



TIMES EDU
Learn today lead tomorrow

CẨM NANG DU HỌC QUỐC TẾ · TIMES EDU

Hồ sơ du học: A Level / IB / AP cần điểm gì để vào **UK & US top?**

Cẩm nang dành cho phụ huynh & học sinh chương trình quốc tế đang định hướng vào đại học top tại Anh và Mỹ.

Hiểu đúng yêu cầu điểm số — Chọn đúng chương trình — Xây hồ sơ cạnh tranh từ sớm.

Ấn phẩm học thuật

TIMES EDU · Learn today, lead tomorrow

times.edu.vn

Hotline / Zalo: 036 203 8998

NỘI DUNG

Mục lục

MỞ ĐẦU

Lời mở đầu — Thư gửi phụ huynh & học sinh	4
Tổng hợp học thuật — Bản đồ nội dung của cẩm nang	5

PHẦN 1

Phần 1 Bức tranh tổng quan hồ sơ du học UK & US	7
--	---

Ch.1 "Điểm bao nhiêu là đủ?" — chưa phải câu hỏi đúng nhất · Ch.2 UK vs US Admissions — hai hệ tư duy khác nhau

PHẦN 2

Phần 2 Ba chương trình: A Level / IB / AP	12
--	----

Ch.3 A Level — lộ trình chuyên sâu theo môn · Ch.4 IB Diploma — hồ sơ toàn diện, áp lực cao · Ch.5 AP — linh hoạt, mạnh cho hồ sơ Mỹ

PHẦN 3

Phần 3 Cần điểm gì để vào UK top?	18
--	----

Ch.6 UK Admissions — điểm học thuật là xương sống · Ch.7 A Level cần điểm gì để vào UK top? · Ch.8 IB cần điểm gì để vào UK top? · Ch.9 AP cần điểm gì để vào UK top?

PHẦN 4

Phần 4 Cần điểm gì để vào US top?	24
--	----

Ch.10 US Admissions — điểm cao là cần, chưa đủ · Ch.11 A Level trong hồ sơ US · Ch.12 IB trong hồ sơ US · Ch.13 AP trong hồ sơ US

PHẦN 5

Phần 5 Điểm số không đứng một mình	30
---	----

Ch.14 GPA, Transcript và Predicted Grades · Ch.15 SAT/ACT có còn cần không? · Ch.16 IELTS/TOEFL — điều kiện, không phải "vé đỏ"

PHẦN 6

Phần 6 Chọn môn theo ngành — điểm cao nhưng đúng môn	35
---	----

Ch.17 Vì sao chọn sai môn làm yếu hồ sơ · Ch.18 Bảng chọn môn A Level / IB / AP theo ngành

PHẦN 7

Phần 7 Ba case study minh họa 39

Ch.19 Case 1 – A Level muốn vào UK Economics · Ch.20 Case 2 – IB muốn nộp US top · Ch.21 Case 3 – AP muốn apply cả UK & US

PHẦN 8

Phần 8 Timeline chuẩn bị hồ sơ lớp 9–12 47

Ch.22 Lớp 9–10 – giai đoạn định hướng · Ch.23 Lớp 11 – giai đoạn tăng tốc · Ch.24 Lớp 12 – giai đoạn hoàn thiện hồ sơ

PHẦN 9

Phần 9 Checklist tự đánh giá hồ sơ 51

Ch.25 Checklist học thuật · Ch.26 Checklist hoạt động & hồ sơ US · Ch.27 Checklist chọn trường

PHẦN 10

Phần 10 10 sai lầm phụ huynh & học sinh thường gặp 55

Ch.28 10 sai lầm phổ biến & cách tránh

PHẦN 11

Phần 11 Lộ trình cùng Times Edu 58

Ch.29 Times Edu hỗ trợ học sinh như thế nào? · Ch.30 Mẫu lộ trình cá nhân hóa 12 tháng

KẾT

Bước tiếp theo — Nhận tư vấn lộ trình cùng Times Edu 61

Lưu ý & Liên hệ — Miễn trừ, việc cần làm & thông tin liên hệ 62

TIMES EDU · LỜI MỞ ĐẦU

Gửi phụ huynh và học sinh chương trình quốc tế

Mỗi năm, chúng tôi gặp rất nhiều phụ huynh đặt cùng một câu hỏi ngay từ buổi trò chuyện đầu tiên: "Con cần đạt bao nhiêu điểm để vào được trường top ở Anh hoặc Mỹ?" Đây là một câu hỏi hoàn toàn chính đáng — nhưng cũng là câu hỏi khiến nhiều gia đình vô tình đi sai hướng ngay từ đầu.

Vì sao lại như vậy? Bởi vì ba chương trình quốc tế phổ biến nhất hiện nay — **A Level** (hệ Anh), **IB Diploma** (Tú tài Quốc tế) và **AP** (hệ Mỹ) — được thiết kế theo những triết lý khác nhau, được các trường đại học đánh giá theo những cách khác nhau, và phù hợp với những kiểu học sinh khác nhau. Một mức điểm "đẹp" ở chương trình này chưa chắc mang ý nghĩa tương đương ở chương trình kia. Và quan trọng hơn: cùng một điểm số, hai học sinh vẫn có thể có hai hồ sơ mạnh — yếu rất khác nhau.

■ Cẩm nang này được viết để làm gì?

- ◆ Giúp phụ huynh & học sinh **hiểu đúng** yêu cầu điểm số của A Level / IB / AP đối với UK & US top.
- ◆ Giúp gia đình **chọn đúng chương trình và đúng môn** theo ngành và quốc gia mục tiêu.
- ◆ Cung cấp **timeline, checklist và case study** để biết cần làm gì, từ lớp mấy.
- ◆ Giúp nhìn hồ sơ như một **bức tranh tổng thể**, thay vì chỉ chạy theo một con số.

Chúng tôi viết cẩm nang này với tinh thần **tư vấn, không hù dọa**. Bạn sẽ không thấy ở đây những lời hứa "đạt điểm này chắc chắn đỗ trường kia" — vì tuyển sinh đại học top, đặc biệt tại Mỹ, không vận hành theo công thức đó. Thay vào đó, bạn sẽ thấy logic phía sau các yêu cầu, để tự đưa ra quyết định phù hợp nhất cho con mình.



THÔNG điệp CỦA TIMES EDU

Điểm số là **nền tảng**, nhưng không phải toàn bộ hồ sơ. Một lộ trình được bắt đầu **đúng và sớm** luôn tạo lợi thế lớn hơn một cú "nước rút" vội vàng ở năm cuối.

Rất mong cẩm nang này trở thành điểm khởi đầu hữu ích cho hành trình của gia đình. Khi cần, Times Edu luôn sẵn sàng đồng hành cùng bạn — từ đánh giá năng lực học thuật, chọn chương trình, chọn môn, cho tới việc xây một lộ trình cá nhân hóa theo đúng ngành và trường mục tiêu.

Trân trọng,

Đội ngũ học thuật Times Edu

BẢN ĐỒ NỘI DUNG · SYLLABUS

Tổng hợp học thuật của cẩm nang

Cẩm nang được chia thành 11 phần, đi từ bức tranh tổng quan đến những bước hành động cụ thể. Bảng dưới đây giúp bạn nắm nhanh nội dung từng phần, điều sẽ hiểu được và việc nên làm sau khi đọc.

Phần	Nội dung chính	Người đọc sẽ hiểu được gì?	Việc nên làm (checklist)
Phần 1 Tổng quan	Bức tranh tổng thể hồ sơ du học; UK vs US là hai hệ tư duy tuyển sinh khác nhau.	Hiểu vì sao "đủ điểm" chưa chắc "đủ hồ sơ", và cách UK/US đánh giá khác nhau.	Xác định con đang định hướng UK, US hay cả hai.
Phần 2 3 chương trình	So sánh A Level, IB Diploma và AP: cấu trúc, ưu điểm, phù hợp với ai.	Phân biệt được ba chương trình và biết chương trình nào hợp với con.	Đối chiếu năng lực & mục tiêu của con với từng chương trình.
Phần 3 Điểm cho UK	Yêu cầu điểm A Level / IB / AP cho nhóm trường & ngành top tại UK.	Nắm khung điểm tham khảo và vai trò của môn học phù hợp ngành.	Liệt kê ngành mục tiêu & môn trọng yếu tương ứng.
Phần 4 Điểm cho US	Holistic admissions của US; vai trò của A Level / IB / AP trong hồ sơ Mỹ.	Hiểu vì sao điểm cao là cần nhưng chưa đủ với US top.	Rà soát các thành phần hồ sơ ngoài điểm số.
Phần 5 Ngoài điểm số	GPA / transcript / predicted grades; vai trò của SAT/ACT và IELTS/TOEFL.	Biết khi nào cần SAT/ACT, và vì sao IELTS cao chưa phải "vé đỗ".	Quyết định có thi chuẩn hóa hay không, và khi nào.
Phần 6 Chọn môn	Vì sao chọn sai môn làm yếu hồ sơ; bảng chọn môn theo 10 nhóm ngành.	Chọn tổ hợp môn A Level / IB HL / AP đúng với ngành mục tiêu.	Chốt tổ hợp môn theo bảng chọn môn của cẩm nang.
Phần 7 Case study	Ba hồ sơ minh họa: A Level→UK, IB→US, AP→cả UK & US.	Hình dung một lộ trình cải thiện hồ sơ thực tế trong 6–18 tháng.	So sánh hồ sơ của con với case gần nhất.
Phần 8 Timeline 9–12	Lộ trình chuẩn bị theo từng khối lớp, từ định hướng đến hoàn thiện hồ sơ.	Biết mỗi năm học cần ưu tiên việc gì để không bị trễ nhịp.	Đánh dấu con đang ở giai đoạn nào & việc cần làm ngay.
Phần 9 Checklist	Bộ checklist tự đánh giá: học thuật, hoạt động/US, và chọn trường.	Tự chấm điểm hồ sơ hiện tại và tìm ra điểm cần cải thiện.	Hoàn thành cả ba checklist tự đánh giá.
Phần 10 Sai lầm	10 sai lầm phổ biến của phụ huynh & học sinh và cách tránh.	Nhận ra sớm những cái bẫy khiến hồ sơ mất lợi thế.	Đối chiếu để loại bỏ sai lầm khỏi kế hoạch của con.
Phần 11 Cùng Times Edu	Cách Times Edu hỗ trợ & mẫu lộ trình cá nhân hóa 12 tháng.	Hiểu Times Edu có thể đồng hành ở những khâu nào.	Đăng ký đánh giá hồ sơ & nhận lộ trình cá nhân hóa.

🕒 **Gợi ý cách đọc nhanh**

Nếu bạn đang gấp, hãy đọc **Phần 1, Phần 6 và Phần 8** trước: đó là tổng quan, cách chọn môn và timeline — ba thứ ảnh hưởng lớn nhất đến hồ sơ. Sau đó quay lại các phần chi tiết về UK, US và điểm chuẩn hóa.

◆ **Ba cách sử dụng cẩm nang này**

■ **Đọc tuần tự từ đầu**

- ◆ Phù hợp nếu bạn **mới bắt đầu tìm hiểu** về du học UK & US.
- ◆ Xây bức tranh đầy đủ từ tư duy tổng quan đến hành động cụ thể.
- ◆ Kết thúc bằng ba bộ checklist ở Phần 9 để tự đánh giá.

🔍 **Tra cứu theo nhu cầu**

- ◆ Đã rõ định hướng? Nhảy tới **Phần 3 (UK)** hoặc **Phần 4 (US)**.
- ◆ Đang phân vân chọn môn? Xem thẳng **Phần 6**.
- ◆ Cần lên kế hoạch theo lớp? Mở **Phần 8**.

☰ **Trước khi bắt đầu, nên có sẵn trong đầu**

- ☒ Con (dự kiến) định hướng ngành hoặc khối ngành nào?
- ☒ Con nhắm quốc gia nào — UK, US, hay cả hai?
- ☒ Con đang học chương trình nào — A Level, IB hay AP?
- ☒ Con đang ở lớp mấy, còn bao nhiêu thời gian chuẩn bị?

📌 **Một lưu ý quan trọng**

Mọi khung điểm, tổ hợp môn và mốc thời gian trong cẩm nang đều mang tính **tham khảo** và có thể thay đổi theo từng năm, từng trường, từng ngành. Hãy luôn đối chiếu với nguồn chính thức (UCAS, Common App, College Board, Cambridge) khi nộp hồ sơ.

PHẦN MỘT · BỨC TRANH TỔNG QUAN

01

Hồ sơ du học UK & US nhìn từ trên cao

Trước khi nói về từng điểm số, hãy hiểu cách hai nền giáo dục hàng đầu thế giới thực sự đọc một bộ hồ sơ. Đây là nền tảng cho mọi quyết định phía sau.

Ch. 1 "Điểm bao nhiêu là đủ?" – vì sao chưa phải câu hỏi đúng nhất

Ch. 2 UK vs US Admissions – hai hệ tư duy khác nhau



PHẦN 1 · CHƯƠNG 1

"Điểm bao nhiêu là đủ?" — Vì sao đây chưa phải câu hỏi đúng nhất?

Đây gần như luôn là câu hỏi đầu tiên. Câu trả lời trung thực: điểm số rất quan trọng, nhưng bản thân con số không nói lên toàn bộ sức mạnh của một hồ sơ. Cùng một mức điểm, hai học sinh có thể có hai hồ sơ mạnh — yếu hoàn toàn khác nhau.

◆ Điểm số là nền tảng — nhưng chỉ là nền tảng

Hãy hình dung điểm học thuật như **tấm vé vào vòng trong**. Nếu điểm không đạt ngưỡng cạnh tranh, hồ sơ khó được xét nghiêm túc, đặc biệt ở nhóm trường hàng đầu. Nhưng khi đã ở trong vòng cạnh tranh, điểm số không còn là yếu tố duy nhất phân định — lúc đó, môn học phù hợp ngành, bài luận, hoạt động, thư giới thiệu và bối cảnh của học sinh mới tạo ra khác biệt.

Đây là lý do một học sinh 40 điểm IB vẫn có thể không phù hợp với một ngành cạnh tranh nếu chọn sai môn HL; và một học sinh A*AA đúng tổ hợp môn, có định hướng rõ, lại có thể mạnh hơn một bạn A*A*A nhưng hồ sơ "chung chung".

◆ Ba biến số khiến "đủ điểm" trở nên tương đối

Biến số	Ý nghĩa	Hệ quả với hồ sơ
Quốc gia	UK và US đánh giá theo hai logic khác nhau	Cùng điểm nhưng cách trình bày hồ sơ phải khác
Ngành học	Mỗi ngành có độ cạnh tranh & môn bắt buộc riêng	Điểm cần đạt và môn trọng yếu thay đổi theo ngành
Bối cảnh	Trường học, cơ hội, hoàn cảnh của học sinh	Hội đồng đọc thành tích trong bối cảnh, không tuyệt đối

💡 Một ví dụ minh họa (Times Edu)

Hai bạn cùng đạt A*AA. Bạn A học Toán, Vật lý, Toán nâng cao và có một dự án robot nhỏ; bạn B học ba môn ít liên quan ngành Kỹ thuật để "chắc điểm". Khi nộp ngành Engineering ở UK, hồ sơ của bạn A phù hợp hơn hẳn — dù điểm tổng ngang nhau.

Đây là tình huống minh họa của Times Edu nhằm giải thích nguyên lý, không phản ánh một trường hợp cụ thể.



GHI NHỚ NHANH

UK thường hỏi: **"Em có đủ năng lực học ngành này không?"**

US thường hỏi: **"Em là ai, và em sẽ đóng góp gì cho cộng đồng đại học?"**

◆ Câu hỏi nên đặt thay cho "bao nhiêu là đủ?"

- ◆ Con định hướng ngành nào, ở quốc gia nào (UK, US hay cả hai)?
- ◆ Ngành đó yêu cầu những môn trọng yếu nào, và con đang mạnh ở đâu?
- ◆ Mức điểm cạnh tranh thực tế của nhóm trường mục tiêu là bao nhiêu (theo website chính thức năm nộp)?
- ◆ Ngoài điểm, hồ sơ còn thiếu mảnh ghép nào — hoạt động, bài luận, thi chuẩn hóa?
- ◆ Còn bao nhiêu thời gian để cải thiện một cách thực chất?

📍 Điểm cần nhớ

Đừng bắt đầu bằng câu hỏi "bao nhiêu điểm là đủ". Hãy bắt đầu bằng **ngành — quốc gia — môn học**, rồi mới tính đến mức điểm cạnh tranh. Thứ tự này quyết định phần lớn chất lượng của một lộ trình.

PHẦN 1 · CHƯƠNG 2

UK vs US Admissions — Hai hệ tư duy khác nhau

Nhiều gia đình đánh giá hồ sơ theo một "chuẩn" duy nhất, rồi bối rối khi thấy con mạnh với UK nhưng chưa sẵn sàng cho US, hoặc ngược lại. Hiểu đúng khác biệt giữa hai hệ thống giúp bạn định hình chiến lược từ sớm.

Về bản chất, **UK tuyển sinh theo ngành**: học sinh nộp vào một ngành cụ thể (Economics, Engineering, Law...), và hội đồng chủ yếu đánh giá năng lực học thuật cùng sự phù hợp với ngành đó. **US tuyển sinh theo con người** (holistic): trường xét toàn bộ hồ sơ — điểm, độ khó chương trình, bài luận, hoạt động, giải thưởng, thư giới thiệu — để hiểu học sinh là ai và sẽ đóng góp gì.

Tiêu chí	UK	US
Trọng tâm	Học thuật & ngành học	Toàn diện — cá nhân, cộng đồng, tiềm năng
Chọn ngành	Chọn ngành rõ ngay từ khi nộp	Có thể linh hoạt, nhiều nơi cho khai phá dần
Điểm A Level / IB / AP	Rất quan trọng, gần như bắt buộc mạnh	Quan trọng nhưng không đủ một mình
Bài luận	Personal Statement thiên học thuật	Personal Essay thiên câu chuyện cá nhân
Hoạt động ngoại khóa	Là lợi thế nếu liên quan ngành	Rất quan trọng, cần chiều sâu & tác động
Phỏng vấn	Một số trường/ngành (vd Oxbridge, Y khoa)	Một số trường (thường tùy chọn)
SAT / ACT	Thường không phải trọng tâm chính	Có thể quan trọng, tùy chính sách từng trường
IELTS / TOEFL	Điều kiện tiếng Anh đầu vào	Điều kiện tiếng Anh đầu vào

Bảng mang tính khái quát. Chính sách cụ thể thay đổi theo trường, ngành và từng năm — luôn kiểm tra website chính thức khi nộp hồ sơ.

◆ Cùng một hồ sơ, hai cách kể chuyện khác nhau

◎ Nếu nộp UK

- ◆ Nhấn **điểm & môn trọng yếu** đúng ngành.
- ◆ Personal Statement tập trung vào **đam mê học thuật** và những gì đã đọc, đã làm liên quan ngành.
- ◆ Hoạt động chọn lọc theo hướng **chứng minh phù hợp ngành**.

★ Nếu nộp US

- ◆ Vẫn cần điểm mạnh & chương trình **đủ thử thách** (rigor).
- ◆ Essay kể **câu chuyện cá nhân** — con người, giá trị, sự trưởng thành.
- ◆ Hoạt động thể hiện **lãnh đạo, tác động, sự bền bỉ**, không chỉ liên quan ngành.

💡 Tình huống minh họa (Times Edu)

Một học sinh giỏi Toán, ít hoạt động xã hội, định hướng Kinh tế. Với **UK**, đây có thể là hồ sơ khá mạnh nếu điểm và môn đúng ngành. Với **US top**, cùng học sinh đó cần bổ sung câu chuyện cá nhân, hoạt động có chiều sâu và (thường) một chiến lược SAT/ACT — nếu không, hồ sơ dễ bị xem là "chỉ có điểm".



KẾT LUẬN PHẦN 1

Không có một "chuẩn hồ sơ" chung cho cả UK và US. Hãy xác định **quốc gia và ngành mục tiêu trước**, rồi mới thiết kế điểm số, môn học và câu chuyện hồ sơ tương ứng.

◆ Tự kiểm nhanh trước khi đi tiếp

Phần 1 đặt nền tư duy cho toàn bộ cẩm nang. Trước khi sang Phần 2, hãy thử trả lời nhanh bốn câu hỏi dưới đây — nếu còn câu nào chưa rõ, đó chính là điều cần làm rõ trước tiên.

☰ Bốn câu hỏi nền tảng

- ☒ Con định hướng ngành/khối ngành nào?
- ☒ Con nhắm quốc gia nào — UK, US, hay cả hai?
- ☒ Con hiểu điểm số là nền tảng nhưng không phải yếu tố duy nhất chưa?
- ☒ Con biết UK xét theo ngành, còn US xét toàn diện chưa?

🕒 Điều quan trọng nhất rút ra từ Phần 1

Đừng bắt đầu hành trình bằng câu hỏi "bao nhiêu điểm là đủ". Hãy bắt đầu bằng **ngành — quốc gia — môn học**. Thứ tự này định hình mọi quyết định về điểm số, chọn môn và cách kể câu chuyện hồ sơ ở các phần sau.

02

A Level / IB / AP khác nhau thế nào trong hồ sơ du học?

Ba chương trình, ba triết lý. Hiểu đúng bản chất của từng chương trình giúp gia đình chọn đúng ngay từ đầu — thay vì đổi hướng giữa chừng với nhiều chi phí và áp lực.

Ch. 3 A Level — lộ trình chuyên sâu theo môn

Ch. 4 IB Diploma — hồ sơ toàn diện, áp lực cao

Ch. 5 AP — linh hoạt, mạnh cho hồ sơ Mỹ



PHẦN 2 · TỔNG QUAN

A Level · IB · AP — Nhìn cạnh nhau

Trước khi đi vào từng chương trình, hãy đặt ba lựa chọn cạnh nhau để thấy rõ khác biệt về cấu trúc và tinh thần.

Tiêu chí	A Level (Anh)	IB Diploma	AP (Mỹ)
Cấu trúc	Thường 3–4 môn chuyên sâu	6 môn (3 HL + 3 SL) + Core	Từng môn riêng lẻ, chọn linh hoạt
Thang điểm	A*, A, B, C...	Mỗi môn 1–7; tổng tối đa 45	Mỗi môn 1–5
Tinh thần	Chuyên sâu theo môn	Toàn diện + nghiên cứu + phản biện	Nâng cao theo từng lĩnh vực
Điểm mạnh khi nộp	Rất mạnh với UK	Được đánh giá cao ở cả UK & US	Rất hợp với US; UK cần kiểm tra
Phù hợp với	HS đã rõ định hướng ngành	HS toàn diện, quản lý thời gian tốt	HS muốn linh hoạt & hướng Mỹ

Bảng so sánh khái quát của Times Edu. Cách công nhận cụ thể tùy từng trường đại học và từng năm.

⚠ Không có chương trình "tốt nhất" tuyệt đối

Chương trình phù hợp nhất phụ thuộc vào **năng lực, tính cách, định hướng ngành và quốc gia mục tiêu** của từng học sinh. Một chương trình danh giá nhưng chọn sai môn hoặc quá tải vẫn có thể tạo ra hồ sơ yếu hơn.

PHẦN 2 · CHƯƠNG 3

A Level — Lộ trình chuyên sâu theo môn

A Level là chương trình của hệ Anh, thường học 3–4 môn trong hai năm. Đây là lựa chọn mạnh cho học sinh đã có định hướng ngành tương đối rõ và muốn đi sâu.

◆ A Level phù hợp với ai?

- ◆ Học sinh đã **khoanh vùng được ngành/khối ngành** muốn theo (vd khối STEM, Kinh tế, Luật...).
- ◆ Học sinh thích **đào sâu vài môn** hơn là học dàn trải nhiều môn.
- ◆ Học sinh **ưu tiên nộp UK**, hoặc các hệ thống công nhận A Level.

◆ Điểm A/A* có ý nghĩa gì?

Trong A Level, A* là mức cao nhất, thể hiện năng lực xuất sắc và ổn định ở môn đó; A là rất tốt. Với nhiều ngành cạnh tranh tại UK, các trường top thường nhìn vào tổ hợp điểm (vd A*AA, A*A*A) và đặc biệt quan tâm điểm ở **môn trọng yếu của ngành**. Nói cách khác, một A* ở đúng môn ngành thường "có giá" hơn một A* ở môn ít liên quan.

⚠ Vì sao chọn môn quan trọng không kém điểm số?

Nhiều ngành ở UK có **môn bắt buộc**. Ví dụ, rất khó xét Engineering nếu thiếu Toán và Vật lý mạnh, hay Y khoa nếu thiếu Hóa học. Chọn ba môn "dễ lấy điểm" nhưng lệch ngành có thể khiến hồ sơ đẹp về con số nhưng **không đủ điều kiện xét** ngành mong muốn.

◆ Gợi ý tổ hợp môn A Level theo ngành (tham khảo)

Nhóm ngành	Tổ hợp A Level thường gặp	Ghi chú
Medicine	Chemistry, Biology, Mathematics	Hóa gần như bắt buộc; kiểm tra yêu cầu từng trường
Engineering	Mathematics, Further Mathematics, Physics	Toán & Lý là trục chính
Economics	Mathematics, Economics, Further Mathematics	Nhiều trường top yêu cầu Toán
Computer Science	Mathematics, Further Maths / CS / Physics	Toán mạnh là điều kiện cốt lõi
Psychology	Psychology, Biology, Mathematics	Có trường thích một môn khoa học
Law	English Literature, History, Politics/Economics	Ưu tiên môn viết luận & lập luận

Bảng tham khảo của Times Edu. Yêu cầu môn có thể khác nhau giữa các trường/ngành – hãy đối chiếu website chính thức năm nộp.

◆ Khi nào A Level bất lợi nếu nộp US?

A Level được US công nhận là chương trình học thuật mạnh. Tuy nhiên, học sinh A Level nộp US dễ rơi vào tình trạng hồ sơ "**quá học thuật**" nhưng thiếu câu chuyện cá nhân và hoạt động. Nếu nhắm US top, cần chủ động bổ sung hoạt động có chiều sâu, bài luận cá nhân và (thường) chiến lược SAT/ACT — sẽ nói kỹ ở Phần 4.



ĐIỂM CẦN NHỚ – A LEVEL

A Level mạnh khi **chọn đúng 3–4 môn theo ngành** và đạt điểm cao ở môn trọng yếu. Đây là lựa chọn lý tưởng cho hồ sơ hướng UK, nhưng cần bổ sung chiều sâu cá nhân nếu đồng thời nhắm US.

PHẦN 2 · CHƯƠNG 4

IB Diploma — Hồ sơ toàn diện nhưng áp lực cao

IB Diploma là chương trình Tú tài Quốc tế với 6 môn (3 HL + 3 SL) cùng phần lõi Core. IB được đánh giá cao vì tính toàn diện, năng lực nghiên cứu và tư duy phản biện — nhưng cũng đòi hỏi khả năng quản lý thời gian tốt.

◆ HL / SL và Core là gì?

- ◆ **HL (Higher Level):** môn học ở mức chuyên sâu — thường là các môn gắn với ngành định hướng.
- ◆ **SL (Standard Level):** môn học ở mức tiêu chuẩn, đảm bảo tính toàn diện.
- ◆ **Core:** gồm TOK (Lý thuyết Tri thức), EE (Tiểu luận mở rộng ~4000 từ) và CAS (Sáng tạo–Hoạt động–Phục vụ).

Mỗi môn chấm 1–7 điểm; tổng 6 môn tối đa 42, cộng tối đa 3 điểm thưởng từ TOK & EE, cho **tổng tối đa 45**. Với nhiều trường/ngành top, các trường thường nhìn vào **tổng điểm** và đặc biệt là **điểm HL ở môn liên quan ngành**.

★ Điểm 7 trong IB khó tới mức nào?

Điểm 7 là mức cao nhất của một môn IB và **không dễ đạt** — đòi hỏi hiểu sâu, làm tốt cả nội bộ (IA) lẫn thi cuối. Một hồ sơ có nhiều điểm 7 ở HL đúng ngành là tín hiệu học thuật rất mạnh. Vì vậy, chọn HL vừa sức nhưng đúng ngành thường tốt hơn chọn HL "oai" nhưng khó kéo điểm.

◆ Vì sao HL quan trọng khi chọn ngành?

Một học sinh đạt 40+ điểm IB vẫn có thể **không phù hợp** với ngành cạnh tranh nếu chọn sai HL. Ví dụ, ngành Engineering thường cần Toán AA HL và Vật lý HL; nếu học sinh để hai môn này ở SL, hồ sơ có thể không đáp ứng điều kiện — dù tổng điểm cao.

◆ Gợi ý môn HL theo ngành (tham khảo)

Ngành	IB HL nên cân nhắc	Lý do
Medicine	Chemistry HL, Biology HL	Nền tảng khoa học thường bắt buộc
Engineering	Math AA HL, Physics HL	Năng lực toán & vật lý là cốt lõi
Economics	Math AA/AI HL, Economics HL	Tư duy định lượng cho ngành Kinh tế
Computer Science	Math AA HL, Computer Science HL	Logic & toán học nền tảng
Psychology	Psychology HL, Biology HL	Nghiên cứu hành vi & cơ sở sinh học

Gợi ý tham khảo của Times Edu. Môn HL yêu cầu tùy trường/ngành; kiểm tra website chính thức năm nộp.

◆ Vai trò của EE, TOK, CAS trong hồ sơ

🕒 Với UK

- ◆ Trọng tâm vẫn là **tổng điểm & HL đúng ngành**.
- ◆ EE đúng chủ đề ngành có thể là điểm cộng cho Personal Statement.

★ Với US

- ◆ EE thể hiện năng lực nghiên cứu độc lập — hợp với hồ sơ Mỹ.
- ◆ CAS tạo chất liệu cho hoạt động & câu chuyện cá nhân.

⚠️ Rủi ro cần tránh với IB

Chọn HL quá nặng hoặc lệch ngành, dàn trải Core mà không có câu chuyện rõ ràng, hoặc để điểm tụt vì quá tải. IB thưởng cho học sinh biết **phân bổ nỗ lực có chiến lược**, không phải học sinh "ôm" mọi thứ.



ĐIỂM CẦN NHỚ – IB

Với IB, hãy tối ưu **tổng điểm** và đặc biệt là **HL đúng ngành**. IB thể hiện tốt năng lực toàn diện & nghiên cứu — rất giá trị cho cả UK và US nếu được quản lý đúng cách.

PHẦN 2 · CHƯƠNG 5

AP — Linh hoạt, mạnh cho hồ sơ Mỹ nếu đúng chiến lược

AP (Advanced Placement) là các môn nâng cao theo hệ Mỹ, có thể học từng môn riêng lẻ. AP giúp chứng minh năng lực học thuật ở từng lĩnh vực và là một phần của "rigor" (độ khó chương trình) mà US top rất coi trọng.

◆ Điểm AP và ý nghĩa

Mỗi môn AP chấm từ **1 đến 5**. Mức **4–5** thường được xem là mạnh và thể hiện học sinh làm chủ nội dung nâng cao. Điểm AP cao ở các môn **trọng yếu theo ngành** giúp tăng "sức nặng" học thuật của hồ sơ.

◆ Học bao nhiêu AP là hợp lý?

Không có con số "chuẩn" cho mọi học sinh. Nguyên tắc quan trọng hơn số lượng là: **chọn AP phù hợp định hướng và học thật tốt**. US top thích thấy học sinh tận dụng tối đa cơ hội học thuật trong bối cảnh trường mình — chứ không phải chạy đua số lượng AP rồi điểm không cao.

💡 Nếu trường không dạy AP thì sao?

Hội đồng tuyển sinh US thường đánh giá học sinh **trong bối cảnh cơ hội của trường**. Nếu trường không mở nhiều AP, học sinh không bị "trừ điểm" vì điều đó. Có thể cân nhắc tự học & thi một số môn AP phù hợp, nhưng nên ưu tiên chất lượng và sự phù hợp, không phải số lượng.

◆ AP khác gì A Level và IB?

- ◆ **Tính linh hoạt:** AP chọn từng môn, dễ "may đo" theo định hướng; A Level cố định 3–4 môn; IB là gói 6 môn + Core.
- ◆ **Chiều sâu vs toàn diện:** A Level đi sâu theo môn; IB toàn diện; AP nằm ở giữa và rất hợp hệ Mỹ.
- ◆ **Bối cảnh nộp:** AP mạnh cho US; với UK cần kiểm tra kỹ vì cách công nhận khác nhau giữa các trường.

◆ Các AP thường gặp theo định hướng ngành (tham khảo)

Định hướng	AP thường gặp
STEM	Calculus AB/BC, Physics, Chemistry, Biology, Computer Science A
Business / Economics	Microeconomics, Macroeconomics, Statistics, Calculus
Social Science	Psychology, Human Geography, Comparative Government
Humanities	English Literature, English Language, World History, US History

Danh mục tham khảo của Times Edu; môn AP và cách công nhận tùy trường/ngành và năm nộp.



ĐIỂM CẦN NHỚ – AP

AP mạnh nhất khi **chọn đúng môn theo định hướng** và đạt **4–5 ở môn trọng yếu**. Đây là lựa chọn linh hoạt, đặc biệt phù hợp với hồ sơ hướng US — nhưng cần kiểm tra kỹ cách công nhận nếu đồng thời nộp UK.

03

Cần điểm gì để vào đại học top tại Anh?

Tại UK, điểm học thuật là "xương sống" của hồ sơ. Phần này phân tích logic tuyển sinh UK và đưa khung điểm tham khảo cho A Level, IB và AP theo nhóm ngành.

Ch. 6 UK Admissions – vì sao điểm học thuật là xương sống

Ch. 7 A Level cần điểm gì để vào UK top?

Ch. 8 IB cần điểm gì để vào UK top?

Ch. 9 AP cần điểm gì để vào UK top?



PHẦN 3 · CHƯƠNG 6

UK Admissions — Vì sao điểm học thuật là "xương sống"?

Ở UK, học sinh nộp qua hệ thống UCAS vào một ngành cụ thể. Hội đồng chủ yếu trả lời một câu hỏi: học sinh này có đủ năng lực học ngành này ở mức đại học không? Vì vậy, điểm số và sự phù hợp với ngành gần như là trục chính của hồ sơ.

◆ Những thành phần cốt lõi của hồ sơ UK

- ◆ **Predicted grades** (điểm dự kiến do trường phổ thông đưa ra): rất quan trọng vì UK thường cấp offer có điều kiện dựa trên điểm này.
- ◆ **Điểm thực tế A Level / IB / AP**, đặc biệt ở môn trọng yếu.
- ◆ **Personal Statement** thể hiện sự phù hợp và đam mê với ngành.
- ◆ **Admissions test & phỏng vấn** ở một số ngành/trường (vd Oxbridge, Y khoa, một số ngành ở Imperial, LSE, UCL...).
- ◆ **Thư giới thiệu (reference)** từ nhà trường.

📍 Predicted grades – vì sao cần được quản lý sớm?

UK thường cấp **conditional offer**: học sinh phải đạt được điểm như điều kiện đưa ra. Predicted grades ảnh hưởng đến việc trường có mời phỏng vấn/cấp offer hay không. Vì vậy, giữ phong độ ổn định ở các kỳ đánh giá và tránh để tụt điểm môn trọng yếu là điều nên chú ý từ sớm.

◆ Những nhóm ngành cạnh tranh cao tại UK top

Medicine

Engineering

Computer Science

Economics

Law

PPE

Psychology

Business / Management

Các ngành trên thường có tỷ lệ cạnh tranh cao, đồng nghĩa yêu cầu điểm và độ phù hợp môn học đều khắt khe hơn. Nhóm trường thường được nhắc đến gồm **Oxford, Cambridge, Imperial College London, LSE, UCL, King's College London, University of Edinburgh, University of Manchester, Warwick, Bath** — nhưng mỗi trường và mỗi ngành có yêu cầu riêng.

“

NGUYÊN TẮC UK

Ở UK, hãy tối ưu hai thứ song song: **điểm ở môn trọng yếu của ngành** và **một Personal Statement thể hiện rõ sự phù hợp với ngành**. Đây là hai đòn bẩy lớn nhất.

PHẦN 3 · CHƯƠNG 7

A Level cần điểm gì để vào UK top?

Với A Level, các trường top thường yêu cầu tổ hợp điểm cao và đặc biệt nhìn vào môn trọng yếu của ngành. Dưới đây là khung tham khảo — không phải cam kết — để gia đình hình dung vùng cạnh tranh.

Nhóm ngành	Môn A Level cần chú ý	Mức điểm cạnh tranh thường gặp (tham khảo)
Medicine	Chemistry, Biology, Mathematics	AAA → A*A*A
Engineering	Mathematics, Further Maths, Physics	A*AA → A*A*A
Economics	Mathematics, Economics, Further Maths	A*AA → A*A*A
Computer Science	Maths, Further Maths / CS / Physics	A*AA → A*A*A
Law	English Lit, History, môn viết luận	AAA → A*AA
Business / Management	Maths / Economics nếu định lượng	AAA → A*AA

Khung tham khảo của Times Edu, tổng hợp từ vùng yêu cầu thường gặp. Con số cụ thể thay đổi theo trường, ngành và từng năm — hãy kiểm tra trang tuyển sinh chính thức & UCAS khi nộp.

☰ Đọc bảng này thế nào cho đúng?

- ◆ Đây là **vùng cạnh tranh tham khảo**, không phải "đạt là đỗ". Nhiều trường top nhận nhiều hồ sơ đủ điểm hơn số chỗ.
- ◆ Điểm ở **môn trọng yếu** thường quan trọng hơn điểm tổng. A*AA với A* đúng môn ngành có thể mạnh hơn A*A*A lệch môn.
- ◆ Một số ngành còn có **admissions test** hoặc **phỏng vấn** — điểm cao là điều kiện, không phải yếu tố duy nhất.

◆ Ví dụ minh họa cách đọc (Times Edu)

Một học sinh muốn học Economics tại một trường top UK, predicted A*AA với A* ở Toán. Đây là hồ sơ nằm trong vùng cạnh tranh, nhưng để nổi bật, học sinh vẫn cần Personal Statement thể hiện tư duy kinh tế và có thể chuẩn bị cho bài test/phỏng vấn nếu ngành yêu cầu. Đây là tình huống minh họa nhằm giải thích cách đọc khung điểm.



ĐIỂM CẦN NHỚ – A LEVEL CHO UK

Đừng chỉ nhìn điểm tổng. Hãy đảm bảo **môn trọng yếu đạt mức cao nhất có thể**, và chuẩn bị các thành phần đi kèm (Personal Statement, test/phỏng vấn) cho ngành mục tiêu.

PHẦN 3 · CHƯƠNG 8

IB cần điểm gì để vào UK top?

Với IB, UK thường xét tổng điểm và điểm HL ở môn liên quan ngành. Một tổng điểm cao nhưng HL lệch ngành vẫn có thể chưa phù hợp. Dưới đây là khung tham khảo theo nhóm ngành.

Nhóm ngành	IB cần chú ý	Mức điểm cạnh tranh thường gặp (tham khảo)
Medicine	Chemistry HL, Biology HL	khoảng 38–42+
Engineering	Math AA HL, Physics HL	khoảng 38–42+
Economics	Math HL, Economics HL	khoảng 38–42+
Computer Science	Math AA HL, CS/Physics HL	khoảng 38–42+
Law	HL môn viết luận	khoảng 36–40+
Business	Math / Economics HL là lợi thế	khoảng 36–40+

Khung tham khảo của Times Edu. Nhiều trường còn nêu yêu cầu điểm tối thiểu ở từng môn HL – hãy đối chiếu trang tuyển sinh chính thức & UCAS khi nộp.

💡 "IB 40 điểm có đủ không?"

Câu trả lời trung thực: **còn tùy**. 40 điểm là một tổng điểm mạnh, nhưng "đủ hay không" phụ thuộc vào **ngành, điểm HL đúng môn, trường mục tiêu, Personal Statement** và độ cạnh tranh năm đó. Một bạn 40 điểm với HL đúng ngành và bài luận tốt thường ở thế thuận lợi hơn một bạn 41 điểm nhưng HL lệch ngành.

◆ Vì sao HL quan trọng hơn bạn nghĩ ở UK

Nhiều ngành ở UK nêu rõ yêu cầu **điểm tối thiểu ở môn HL cụ thể** (ví dụ Toán AA HL cho Kỹ thuật, Hóa HL cho Y khoa). Nếu học sinh để môn trọng yếu ở SL hoặc điểm HL thấp, hồ sơ có thể không đáp ứng điều kiện – kể cả khi tổng điểm cao. Vì vậy, chọn HL cần cân nhắc ngay từ đầu chương trình.



ĐIỂM CẦN NHỚ – IB CHO UK

Tối ưu **tổng điểm** và **điểm HL đúng môn ngành** song song. Kiểm tra kỹ yêu cầu điểm HL tối thiểu của từng ngành trước khi chốt môn.

PHẦN 3 · CHƯƠNG 9

AP cần điểm gì để vào UK top?

Một số trường UK chấp nhận AP, nhưng yêu cầu và cách công nhận khác nhau khá nhiều giữa các trường. Thông thường, học sinh cần nhiều môn AP điểm cao, đặc biệt ở môn liên quan ngành, và đôi khi kèm SAT/ACT.

Nhóm ngành	AP nên có	Ghi chú
Engineering	Calculus BC, Physics C	Cần nền tảng toán–lý mạnh
Computer Science	Calculus, Computer Science A	Thêm Physics/Statistics là lợi thế
Economics	Calculus, Micro/Macro, Statistics	Tư duy định lượng quan trọng
Biology / Medicine-related	Biology, Chemistry	Y khoa UK có yêu cầu rất riêng
Humanities	English, History, Government	Cần năng lực đọc–viết tốt

Bảng tham khảo của Times Edu. Không phải trường UK nào cũng công nhận AP như nhau – một số yêu cầu số môn AP tối thiểu ở mức 5, hoặc kèm SAT/ACT. Luôn kiểm tra website từng trường.

⚠ Lưu ý quan trọng khi dùng AP nộp UK

- ◆ Kiểm tra **trường có chấp nhận AP không** và cần **bao nhiêu môn, mức điểm nào** (thường là 5 ở môn trọng yếu).
- ◆ Một số trường có thể yêu cầu hoặc khuyến nghị **SAT/ACT** đi kèm.
- ◆ Nếu định hướng UK là chính, cân nhắc xem A Level hoặc IB có phải lựa chọn "thẳng đường" hơn không.



ĐIỂM CẦN NHỚ – AP CHO UK

AP **có thể** dùng để nộp UK, nhưng cần **kiểm tra kỹ từng trường**: số môn, mức điểm và yêu cầu SAT/ACT. Đây là lựa chọn cần được lên kế hoạch cẩn thận nếu UK là mục tiêu chính.

◆ Tổng kết Phần 3 — Vào UK top cần gì?

Gói gọn lại, hồ sơ hướng UK top xoay quanh **năng lực học thuật đúng ngành**. Bảng dưới đây tóm tắt điều kiện then chốt theo từng chương trình — như một tấm thẻ ghi nhớ nhanh trước khi chuyển sang phần về US.

Chương trình	Điều kiện then chốt cho UK top (tham khảo)
A Level	Tổ hợp cao (vd A*AA → A*A*A) & đặc biệt A* ở môn trọng yếu của ngành
IB Diploma	Tổng thường ~38–42+ và điểm HL cao đúng môn ngành (đạt yêu cầu HL tối thiểu)
AP	Kiểm tra công nhận từng trường : nhiều môn điểm 5 ở môn trọng yếu, đôi khi kèm SAT/ACT

🚩 Ba thành phần luôn đi kèm điểm số ở UK

- ◆ **Personal Statement** thể hiện rõ sự phù hợp & đam mê với ngành.
- ◆ **Predicted grades** ổn định — cơ sở để trường cấp conditional offer.
- ◆ **Admissions test / phỏng vấn** ở một số ngành/trường (vd Oxbridge, Y khoa).

04

Cần điểm gì để vào đại học top tại Mỹ?

US top tuyển sinh theo holistic admissions: điểm cao là điều kiện cần, nhưng chưa đủ. Phần này làm rõ các thành phần hồ sơ Mỹ và vai trò của A Level, IB, AP trong bức tranh đó.

Ch. 10 US Admissions – điểm cao là cần, nhưng không đủ

Ch. 11 A Level trong hồ sơ US

Ch. 12 IB trong hồ sơ US

Ch. 13 AP trong hồ sơ US



PHẦN 4 · CHƯƠNG 10

US Admissions — Điểm cao là cần, nhưng không đủ

Các trường top tại Mỹ đánh giá hồ sơ theo holistic admissions — nhìn học sinh như một con người trọn vẹn, không chỉ một bảng điểm. Điểm học thuật rất quan trọng, nhưng nằm cạnh nhiều yếu tố khác.

◆ Các thành phần US top thường xem xét

Thành phần	Vai trò trong hồ sơ
Course rigor	Độ khó chương trình — có chọn AP/IB/A Level thử thách không
GPA / Transcript	Quá trình học nhiều năm: sự ổn định & tiến bộ
SAT / ACT	Điểm chuẩn hóa, nếu nộp (nhiều trường test-optional, thay đổi theo năm)
Điểm A Level / IB / AP	Bảng chứng năng lực học thuật & chiều sâu
Essays	Câu chuyện cá nhân, giá trị, con người của học sinh
Activities	Hoạt động có chiều sâu, tác động, tính bền bỉ
Awards	Giải thưởng, thành tích nổi bật (nếu có)
Recommendation letters	Góc nhìn của giáo viên về năng lực & tính cách
Interview	Trao đổi trực tiếp (thường tùy chọn, tùy trường)
Fit	Sự phù hợp với văn hóa & định hướng của trường

💡 Vì sao "điểm tuyệt đối" không đảm bảo một suất?

Ở nhiều trường US top, số hồ sơ đạt điểm rất cao vượt xa số chỗ. Khi hầu hết ứng viên đều mạnh về điểm, hội đồng phân định dựa trên **câu chuyện, hoạt động, sự phù hợp và tiềm năng đóng góp**. Đây là lý do một hồ sơ "toàn điểm cao" nhưng thiếu bản sắc vẫn có thể chưa đủ.



VỚI US TOP

Câu hỏi không chỉ là **"em được mấy điểm?"** mà là **"em đã dùng năng lực đó để tạo ra điều gì?"**

◆ Nhóm trường thường được nhắc đến

Khi nói về US top, người ta thường nhắc **Ivy League** cùng các trường như **Stanford, MIT, University of Chicago, Duke, Northwestern, Johns Hopkins, UC Berkeley, UCLA, NYU, Carnegie Mellon**. Mỗi trường có "gu" và ưu tiên riêng — vì vậy chiến lược "fit" quan trọng không kém điểm số.

PHẦN 4 · CHƯƠNG 11

A Level trong hồ sơ US

A Level được US công nhận là chương trình học thuật mạnh, và điểm A/A* thể hiện chiều sâu. Nhưng học sinh A Level nộp US cần chủ động tránh cái bẫy "hồ sơ quá học thuật".

Điểm A*/A ở A Level là bằng chứng năng lực chuyên sâu — điều US đánh giá cao ở khía cạnh rigor. Tuy nhiên, vì A Level chỉ gồm 3–4 môn và thiên học thuật, hồ sơ dễ thiếu **bề rộng, câu chuyện cá nhân và hoạt động** — những thứ US top rất coi trọng.

◆ Những gì học sinh A Level cần bổ sung khi nộp US

- ◆ **Hoạt động ngoại khóa** có chiều sâu, thể hiện lãnh đạo & tác động.
- ◆ **Bài luận cá nhân** kể được câu chuyện riêng, không chỉ liệt kê thành tích.
- ◆ **SAT/ACT** nếu phù hợp với chính sách trường mục tiêu.
- ◆ **Research / project** hoặc sản phẩm cụ thể liên quan định hướng.
- ◆ **Thư giới thiệu** làm nổi bật cả năng lực lẫn tính cách.

☰ Checklist – học sinh A Level nộp US

- ☒ Có 3–4 môn A Level phù hợp ngành định hướng.
- ☒ Có predicted grades mạnh ở môn trọng yếu.
- ☒ Có hoạt động liên quan định hướng học thuật.
- ☒ Có bài luận cá nhân thể hiện con người, không chỉ điểm số.
- ☒ Có chiến lược SAT/ACT (nếu trường mục tiêu cần).
- ☒ Có thư giới thiệu thể hiện năng lực và tính cách.



ĐIỂM CẦN NHỚ – A LEVEL TRONG US

A Level cho US mạnh về **chiều sâu học thuật**, nhưng cần chủ động bổ sung **bề rộng, câu chuyện cá nhân và hoạt động** để hồ sơ không bị "một chiều".

PHẦN 4 · CHƯƠNG 12

IB trong hồ sơ US

IB thường được US đánh giá cao nhờ độ khó và tính toàn diện. HL thể hiện chiều sâu, EE thể hiện năng lực nghiên cứu, CAS tạo chất liệu cho hoạt động — nhưng học sinh IB cần quản lý thời gian tốt để không quá tải.

★ Điểm mạnh tự nhiên của IB với US

- ◆ **Toàn diện + rigor:** đúng thứ US top tìm kiếm.
- ◆ **EE:** bằng chứng nghiên cứu độc lập.
- ◆ **CAS:** nguồn hoạt động & câu chuyện sẵn có.

⚠️ Rủi ro cần quản lý

- ◆ **Quá tải** nếu ôm HL nặng + Core + hoạt động + SAT.
- ◆ Điểm dễ **tụt** nếu không phân bổ nỗ lực hợp lý.
- ◆ CAS/EE làm cho có, **thiếu câu chuyện** thì ít giá trị.

☰ Checklist – học sinh IB nộp US

- ✓ Tổng điểm IB nằm ở vùng cạnh tranh với trường mục tiêu.
- ✓ HL phù hợp ngành định hướng.
- ✓ EE có chiều sâu học thuật, gắn với sở thích ngành.
- ✓ CAS có câu chuyện rõ ràng, không dàn trải hình thức.
- ✓ Bài luận cá nhân không chỉ kể thành tích.
- ✓ Có chiến lược nộp trường (reach / target / safety) phù hợp.



ĐIỂM CẦN NHỚ – IB TRONG US

IB là "chất liệu tốt" cho hồ sơ US: hãy biến **EE và CAS** thành **câu chuyện**, giữ tổng điểm ổn định và tránh quá tải bằng cách chọn HL đúng sức, đúng ngành.

PHẦN 4 · CHƯƠNG 13

AP trong hồ sơ US

AP giúp chứng minh học sinh chọn chương trình thử thách và làm chủ nội dung nâng cao. Điểm 4–5 ở môn trọng yếu tăng "sức nặng" học thuật. Nhưng chiến lược quan trọng hơn số lượng.

Với US top, AP là một phần tự nhiên của "course rigor". Điều hội đồng muốn thấy không phải là học sinh gom thật nhiều AP, mà là học sinh **tận dụng cơ hội học thuật ở mức phù hợp với bối cảnh của mình** và đạt kết quả tốt ở những môn đã chọn.

◆ Ưu tiên AP theo định hướng ngành (tham khảo)

Mục tiêu ngành	AP nên ưu tiên	Vì sao
Engineering	Calculus BC, Physics C, Chemistry	Nền tảng STEM cốt lõi
Computer Science	Computer Science A, Calculus BC, Statistics	Logic, toán & dữ liệu
Pre-med	Biology, Chemistry, Calculus/Statistics	Khoa học & định lượng
Economics / Business	Micro, Macro, Calculus, Statistics	Tư duy phân tích & định lượng
Social Science	Psychology, Government, Statistics	Phương pháp nghiên cứu xã hội
Humanities	English Literature, History	Đọc, viết, phân tích

Gợi ý tham khảo của Times Edu; chọn AP theo định hướng và năng lực thực tế, không chạy đua số lượng.

💡 Chất lượng thắng số lượng

Bốn môn AP điểm 5 đúng định hướng thường mạnh hơn tám môn AP điểm 3 dàn trải. Học sinh nên chọn AP **vừa sức nhưng đúng hướng**, để vừa có điểm tốt vừa kể được một câu chuyện học thuật nhất quán.



ĐIỂM CẦN NHỚ – AP TRONG US

Với US, AP thể hiện **rigor và sự nhất quán**. Hãy chọn môn theo định hướng, ưu tiên **4–5 ở môn trọng yếu**, và để bộ AP kể một câu chuyện học thuật rõ ràng.

◆ Tổng kết Phần 4 – Vào US top cần gì?

Nếu Phần 3 xoay quanh năng lực học thuật đúng ngành cho UK, thì Phần 4 nhấn mạnh: với US top, điểm mạnh là **điều kiện cần**, còn câu chuyện và con người mới tạo khác biệt. Bảng dưới đây tóm tắt vai trò của từng chương trình trong hồ sơ US.

Chương trình	Vai trò & điều cần bổ sung cho US top (tham khảo)
A Level	Chiều sâu học thuật tốt; cần bổ sung bề rộng, câu chuyện cá nhân, hoạt động & (thường) SAT/ACT
IB Diploma	Rất hợp US nhờ toàn diện + rigor; biến EE & CAS thành câu chuyện , tránh quá tải
AP	Là phần tự nhiên của course rigor ; chọn đúng môn theo định hướng, ưu tiên điểm 4–5

🚩 Điểm chung cho mọi hồ sơ US top

- ◆ Điểm & độ khó chương trình (rigor) là **điều kiện cần**.
- ◆ **Bài luận cá nhân** kể được con người, không chỉ thành tích.
- ◆ **Hoạt động** có chiều sâu, tác động & sự bền bỉ.
- ◆ **Sự phù hợp (fit)** với từng trường.

PHẦN NĂM · ĐIỂM SỐ KHÔNG ĐÚNG MỘT MÌNH

05

GPA, predicted grades, SAT/ACT và IELTS/TOEFL

Điểm A Level / IB / AP là trung tâm, nhưng quanh nó còn có transcript nhiều năm, predicted grades, thi chuẩn hóa và điều kiện tiếng Anh. Phần này giúp bạn sắp xếp đúng vai trò của từng thứ.

Ch. 14 GPA, Transcript và Predicted Grades

Ch. 15 SAT/ACT có còn cần không?

Ch. 16 IELTS/TOEFL – điều kiện, không phải "vé đỗ"



PHẦN 5 · CHƯƠNG 14

GPA, Transcript và Predicted Grades

Điểm một kỳ thi cho thấy một lát cắt; transcript nhiều năm cho thấy cả hành trình. Hiểu ba khái niệm này giúp gia đình biết cần giữ gìn điều gì trong suốt quá trình học, không chỉ ở năm cuối.

Khái niệm	Là gì?	Quan trọng với
GPA	Điểm trung bình tích lũy qua các năm học	US (nhìn quá trình dài hạn)
Transcript	Bảng điểm chi tiết theo môn & theo năm	Cả UK & US
Predicted grades	Điểm dự kiến do trường phổ thông đưa ra	UK (cơ sở cấp conditional offer)

◆ Vì sao "đường đi của điểm" cũng kể một câu chuyện

Với US, một học sinh có transcript **đi lên đều** qua các năm thường tạo ấn tượng tốt về sự trưởng thành và nỗ lực. Ngược lại, điểm **tụt ở môn trọng yếu** vào năm gần nộp hồ sơ có thể là một tín hiệu bất lợi — kể cả khi điểm tổng vẫn ổn.

📍 Nguyên tắc giữ transcript khỏe

- ◆ Tránh để điểm **tụt ở các môn liên quan ngành** — đây là nhóm môn được soi kỹ nhất.
- ◆ Ưu tiên **ổn định và tiến bộ** hơn là một vài đỉnh cao xen kẽ nhiều "hố".
- ◆ Nếu có một học kỳ sa sút vì lý do đặc biệt, cân nhắc **giải thích hợp lý** ở phần phù hợp của hồ sơ.

☰ Tự kiểm tra transcript

- ☒ Điểm các môn trọng yếu của ngành có đang ổn định/đi lên không?
- ☒ Có môn nào đang tụt cần can thiệp sớm không?
- ☒ Predicted grades (nếu nộp UK) có ở vùng cạnh tranh với trường mục tiêu không?
- ☒ Có câu chuyện tiến bộ rõ ràng để làm nổi bật không?



ĐIỂM CẦN NHỚ – TRANSCRIPT

Hồ sơ không chỉ là điểm cuối cùng, mà là **cả hành trình**. Giữ phong độ ổn định ở môn trọng yếu và tạo một đường tiến bộ rõ ràng là chiến lược dài hạn tốt nhất.

PHẦN 5 · CHƯƠNG 15

SAT/ACT có còn cần không?

Đây là câu hỏi khiến nhiều gia đình phân vân, nhất là khi nhiều trường US áp dụng chính sách test-optional và thay đổi theo từng năm. Câu trả lời phụ thuộc vào trường mục tiêu, hệ chương trình và hồ sơ tổng thể của học sinh.

SAT/ACT là các kỳ thi chuẩn hóa của Mỹ. Nhiều trường US hiện **test-optional** (không bắt buộc nộp), nhưng một điểm SAT/ACT mạnh **vẫn có thể là lợi thế**, đặc biệt khi giúp chứng minh năng lực học thuật chuẩn hóa với hội đồng ở nước ngoài. Với UK, SAT/ACT thường không phải trọng tâm, nhưng có thể liên quan nếu học sinh nộp bằng hệ Mỹ/AP.

◆ Khi nào nên nghiêm túc cân nhắc SAT/ACT?

Trường hợp	Có nên thi SAT/ACT?
Nộp US top schools	Nên cân nhắc nghiêm túc
Điểm học ở trường chưa thật nổi bật	Có thể giúp bổ sung, làm mạnh hồ sơ
Học AP / hệ Mỹ	Thường phù hợp, nên có kế hoạch
Chỉ nộp UK bằng A Level / IB	Tùy trường/ngành — kiểm tra yêu cầu
Không đủ thời gian ôn tử tế	Cần cân nhắc chi phí cơ hội, tránh dàn trải

⚖ Cách ra quyết định thực dụng

- ◆ Xác định **trường mục tiêu** và tra chính sách test của trường ở năm nộp.
- ◆ Ước lượng **thời gian & năng lực**: nếu ôn được điểm đủ mạnh mà không ảnh hưởng điểm chính khóa, đây thường là lợi thế.
- ◆ Nếu thời gian eo hẹp, ưu tiên **giữ điểm A Level/IB/AP** và các thành phần cốt lõi trước.

⚠ Lưu ý về tính cập nhật

Chính sách test-optional/test-required **thay đổi theo từng năm và từng trường**. Đừng dựa vào thông tin cũ — hãy kiểm tra trang tuyển sinh chính thức của từng trường ở đúng mùa nộp hồ sơ.



ĐIỂM CẦN NHỚ – SAT/ACT

SAT/ACT không còn "bắt buộc với mọi trường", nhưng một điểm mạnh vẫn **có thể là lợi thế** cho hồ sơ US. Hãy quyết định dựa trên **trường mục tiêu, thời gian và chi phí cơ hội**.

PHẦN 5 · CHƯƠNG 16

IELTS/TOEFL — Điều kiện tiếng Anh, không phải "vé đỗ"

IELTS/TOEFL thường là điều kiện đầu vào về tiếng Anh cho học sinh quốc tế. Nhưng đạt ngưỡng tiếng Anh không thay thế cho điểm học thuật — và với ngành cạnh tranh, năng lực đọc–viết học thuật cần vượt xa mức tối thiểu.

Hãy xem IELTS/TOEFL như **điều kiện cần để được xét**, không phải yếu tố tạo lợi thế cạnh tranh. Đạt ngưỡng yêu cầu giúp hồ sơ "hợp lệ" về tiếng Anh; nhưng điều quyết định vẫn là điểm học thuật, môn học phù hợp và câu chuyện hồ sơ.

⚠ Sai lầm phổ biến

"Nghĩ rằng IELTS cao là đủ để vào trường top." Thực tế: IELTS tốt là **cần**, nhưng hồ sơ vẫn cần điểm học thuật mạnh, môn học phù hợp ngành và một câu chuyện rõ ràng. Nhiều học sinh dồn quá nhiều thời gian cho IELTS mà lơ là điểm chính khóa — một sự đánh đổi thường không có lợi.

◆ Chuẩn bị tiếng Anh cho ngành cạnh tranh

- ◆ Rèn **Academic Writing**: lập luận mạch lạc, dẫn chứng, cấu trúc bài viết học thuật.
- ◆ **Đọc tài liệu ngành** bằng tiếng Anh để quen thuật ngữ và cách tư duy của ngành.
- ◆ Luyện **viết luận** (essay) — kỹ năng dùng cho cả bài luận du học lẫn học đại học.
- ◆ Xem IELTS/TOEFL là **bước đệm**, không phải đích đến của việc học tiếng Anh.



ĐIỂM CẦN NHỚ – IELTS/TOEFL

IELTS/TOEFL là **điều kiện đầu vào**, không phải "vé đỗ". Hãy đạt ngưỡng yêu cầu một cách hiệu quả, rồi dồn nguồn lực cho **điểm học thuật và năng lực đọc–viết ngành**.

◆ Tổng kết Phần 5 — Bốn yếu tố quanh điểm số

Điểm A Level / IB / AP là trung tâm, nhưng bốn yếu tố dưới đây bao quanh và hỗ trợ cho nó. Hiểu đúng vai trò từng yếu tố giúp gia đình phân bổ thời gian hợp lý, tránh dồn sức sai chỗ.

Yếu tố	Vai trò	Quan trọng nhất với
GPA / Transcript	Cho thấy cả hành trình học nhiều năm	US (nhìn quá trình & sự tiến bộ)
Predicted grades	Cơ sở để trường UK cấp conditional offer	UK
SAT / ACT	Điểm chuẩn hóa, có thể là lợi thế	US (tùy chính sách từng trường)
IELTS / TOEFL	Điều kiện tiếng Anh đầu vào	Cả UK & US (điều kiện, không phải lợi thế)

⚖ Nguyên tắc phân bổ thời gian

Ưu tiên số một luôn là **giữ điểm ở môn trọng yếu**. Đừng dồn quá nhiều thời gian cho IELTS hay SAT đến mức để tụt điểm chính khóa — đó thường là một đánh đổi không có lợi cho hồ sơ tổng thể.

06

Điểm cao nhưng phải đúng môn

Điểm cao chưa đủ nếu chọn sai môn. Phần này giải thích vì sao chọn môn quan trọng ngang điểm số, kèm bảng chọn môn A Level / IB HL / AP cho 10 nhóm ngành phổ biến.

Ch. 17 Vì sao chọn sai môn có thể làm yếu hồ sơ

Ch. 18 Bảng chọn môn A Level / IB / AP theo nhóm ngành



PHẦN 6 · CHƯƠNG 17

Vì sao chọn sai môn có thể làm yếu hồ sơ?

Nhiều gia đình tối ưu điểm mà quên tối ưu môn. Nhưng ở nhiều ngành — đặc biệt tại UK — môn học phù hợp là điều kiện, không phải lựa chọn. Chọn môn "dễ lấy điểm" nhưng lệch ngành đôi khi phản tác dụng.

Cơ chế rất đơn giản: một số ngành có **môn bắt buộc**. Nếu thiếu môn đó (hoặc điểm môn đó yếu), hồ sơ có thể không đủ điều kiện xét — bất kể điểm tổng đẹp đến đâu. UK đặc biệt coi trọng sự phù hợp môn học với ngành; US linh hoạt hơn nhưng vẫn đánh giá rigor và định hướng nhất quán.

◆ Những cái bẫy chọn môn thường gặp

Tình huống	Vấn đề	Hệ quả có thể xảy ra
Muốn Engineering nhưng không học Physics/Math mạnh	Thiếu môn trọng yếu	Khó đáp ứng điều kiện ngành ở nhiều trường
Muốn Economics top nhưng né Math	Thiếu nền định lượng	Nhiều trường top yêu cầu Toán cho Kinh tế
Muốn Medicine nhưng thiếu Chemistry	Thiếu môn gần như bắt buộc	Hồ sơ có thể không được xét ngành Y
Muốn Computer Science nhưng Math yếu	Nền toán chưa đủ	Khó cạnh tranh ở ngành CS
Muốn Psychology nhưng không có môn KH/XH phù hợp	Thiếu môn nền	Một số trường ưu tiên có môn khoa học

Các tình huống minh họa của Times Edu nhằm giải thích nguyên lý; yêu cầu môn cụ thể tùy trường/ngành và năm nộp.

🕒 Nguyên tắc vàng khi chọn môn

Chọn môn nên bắt đầu từ **ngành mục tiêu** → **môn bắt buộc/ưu tiên của ngành** → **năng lực thực tế của con**. Đừng đảo ngược thứ tự bằng cách chọn môn dễ trước rồi mới ghép ngành — đó là con đường dễ dẫn tới lệch hồ sơ.



ĐIỂM CẦN NHỚ – CHỌN MÔN

Điểm cao ở **đúng môn** mạnh hơn điểm cao ở **môn dễ**. Với UK, môn phù hợp ngành gần như là điều kiện; với US, nó thể hiện định hướng và rigor.

PHẦN 6 · CHƯƠNG 18

Bảng chọn môn A Level / IB / AP theo nhóm ngành

Đây là bảng tra cứu trung tâm của cẩm nang. Với mỗi nhóm ngành, bảng gợi ý môn A Level, môn IB HL và môn AP nên cân nhắc, cùng điểm cần ưu tiên và lưu ý hồ sơ. Tất cả là gợi ý tham khảo — hãy đối chiếu yêu cầu chính thức của trường/ngành.

Nhóm ngành	A Level nên chọn	IB HL nên chọn	AP nên chọn	Điểm ưu tiên	Lưu ý hồ sơ
1. Medicine / Biomedical	Chemistry, Biology, Maths	Chemistry HL, Biology HL	Biology, Chemistry, Calc/ Stats	Hóa & Sinh	Y khoa UK có test/ phỏng vấn riêng; kiểm tra kỹ
2. Engineering	Maths, Further Maths, Physics	Math AA HL, Physics HL	Calculus BC, Physics C, Chemistry	Toán & Lý	Toán nâng cao là lợi thế lớn
3. Computer Science / AI / Data	Maths, Further Maths, CS/ Physics	Math AA HL, CS HL	CS A, Calculus BC, Statistics	Toán & Logic	Có project/ portfolio lập trình là điểm cộng
4. Economics / Finance	Maths, Economics, Further Maths	Math AA/AI HL, Economics HL	Micro, Macro, Calculus, Statistics	Toán	Nhiều trường top yêu cầu Toán cho Kinh tế
5. Business / Management	Maths/ Economics, môn định lượng	Math HL/SL, Economics/ Business HL	Micro, Macro, Statistics, Calculus	Định lượng	Hoạt động lãnh đạo & dự án thực tế rất giá trị
6. Psychology	Psychology, Biology, Maths	Psychology HL, Biology HL	Psychology, Statistics, Biology	KH & PP	Một số trường ưu tiên có môn khoa học
7. Law	English Lit, History, Politics	HL môn viết luận (History/English)	English, History, Government	Đọc–viết	Kỹ năng lập luận & viết luận là cốt lõi
8. PPE / Politics / IR	History, Economics, English/Politics	Economics HL, History HL	Macro/Micro, Government, History	Toán & XH	PPE cạnh tranh cao; cần cả định lượng & lập luận
9. Architecture / Design	Maths, Physics/ Art, Design	Math HL/SL, Physics/Visual Arts HL	Calculus, Physics, Art/2-D Design	Toán & Portfolio	Portfolio thiết kế thường rất quan trọng
10. Liberal Arts / Humanities	English Lit, History, Languages	HL Humanities/ Languages	English, History, Languages	Đọc–viết	Câu chuyện cá nhân & chiều sâu tư duy được coi trọng

Bảng chọn môn tham khảo của Times Edu, tổng hợp cho định hướng chung. Mỗi trường/ngành có yêu cầu môn & điểm riêng và có thể thay đổi theo năm — luôn kiểm tra website chính thức & UCAS/Common App khi nộp.

☰ Cách dùng bảng này hiệu quả

1. Khoanh 1–2 **nhóm ngành** con quan tâm nhất.
2. Đối chiếu **môn con đang/đã chọn** với gợi ý trong bảng.
3. Đánh dấu **môn còn thiếu hoặc còn yếu** ở cột "Điểm ưu tiên".
4. Lên **kế hoạch bổ sung/cải thiện** — hoặc trao đổi với người tư vấn để điều chỉnh sớm.

◆ Ví dụ đọc bảng (Times Edu)

☉ Con muốn học Computer Science

- ◆ Tra dòng số 3: cần **Toán mạnh** là điều kiện cốt lõi (Further Maths / Math AA HL / Calculus BC).
- ◆ Nếu con đang học Toán ở mức khá nhưng **chưa có Further Maths / HL Toán**, đây là điểm cần ưu tiên.
- ◆ Điểm cộng: một **dự án lập trình** nhỏ để thể hiện đam mê.

☼ Con muốn học Economics

- ◆ Tra dòng số 4: **Toán** là môn ưu tiên; nhiều trường top yêu cầu Toán cho Kinh tế.
- ◆ Nếu con **né Toán** để chọn môn dễ hơn, hồ sơ có thể lệch ngành.
- ◆ Với US: bổ sung **câu chuyện & hoạt động** liên quan kinh tế.

Ví dụ minh họa cách tra bảng của Times Edu, không phải hồ sơ cụ thể.



KẾT LUẬN PHẦN 6

Một bộ môn được chọn đúng ngay từ đầu tiết kiệm cho gia đình rất nhiều thời gian và áp lực về sau. Nếu đang phân vân, hãy để việc chọn môn được **đánh giá cùng ngành và mục tiêu trường**, thay vì chọn theo cảm tính điểm số.

07

Ba hồ sơ, ba chiến lược cải thiện

Ba tình huống giả định do Times Edu xây dựng để minh họa cách một hồ sơ được đánh giá và cải thiện theo thời gian. Đây là ví dụ giáo dục, không phản ánh một học sinh cụ thể.

Ch. 19 Case 1 – A Level muốn vào UK Economics

Ch. 20 Case 2 – IB muốn nộp US top

Ch. 21 Case 3 – AP muốn apply cả UK & US



📍 Lưu ý về các case study

Tất cả hồ sơ, điểm số và tên trong ba case dưới đây là **tình huống minh họa của Times Edu**, nhằm giải thích cách tư duy — không phải hồ sơ có thật và không đảm bảo bất kỳ kết quả tuyển sinh nào.

◆ Cách đọc mỗi case study

Ba case được trình bày theo cùng một cấu trúc để bạn dễ so sánh và áp dụng cho hồ sơ của con. Với mỗi case, hãy chú ý bốn phần sau:

☰ Hồ sơ & điểm nghề

- ◆ **Hồ sơ:** chương trình, môn học, điểm, mục tiêu.
- ◆ **Điểm nghề:** những gì đang cản trở hồ sơ mạnh hơn.

🔗 Chiến lược & lộ trình

- ◆ **Chiến lược:** làm sâu đúng chỗ, không dàn trải.
- ◆ **Timeline:** việc cần làm theo từng giai đoạn.

💡 Gợi ý khi đọc

Sau mỗi case, hãy tự hỏi: "Hồ sơ của con giống case nào nhất, và mình có thể áp dụng điều gì?" Mục tiêu không phải sao chép, mà là **nhận ra nguyên lý** đằng sau mỗi chiến lược.

PHẦN 7 · CHƯƠNG 19

Case Study 1 — Học sinh A Level muốn vào UK Economics

Một hồ sơ khá điển hình: điểm tốt, định hướng rõ, nhưng còn một vài điểm nghề cần xử lý trước khi bước vào mùa nộp UCAS.

CASE STUDY 1 · MINH HỌA

Bạn "Minh An" — A Level, mục tiêu Economics tại UK top

CHƯƠNG TRÌNH	A Level (lớp 12)
MÔN HỌC	Mathematics, Economics, History
ĐIỂM HIỆN TẠI	Dự kiến A (Maths), A (Economics), B (History)
MỤC TIÊU	Economics tại nhóm trường top UK
ĐIỂM MẠNH	Toán ổn, đam mê kinh tế, đọc nhiều tin tài chính
ĐIỂM NGHỀN	Chưa có Further Maths; Personal Statement còn chung chung; chưa rõ có test/phỏng vấn

Vấn đề cốt lõi

Ngành Economics ở nhiều trường top UK **ưu tiên/khuyến khích Further Maths** và đánh giá cao tư duy định lượng. Hồ sơ hiện đủ nền nhưng chưa thật nổi bật ở môn trọng yếu, và Personal Statement chưa thể hiện chiều sâu ngành.

Chiến lược cải thiện (minh họa)

- ◆ Củng cố **Toán** để hướng tới A*, cân nhắc bổ sung **năng lực định lượng** (tự học chuyên đề nếu không kịp thêm môn).
- ◆ Tra cứu từng trường mục tiêu: có yêu cầu **admissions test** (dạng đánh giá tư duy) hoặc phỏng vấn không, để chuẩn bị sớm.
- ◆ Viết lại **Personal Statement** tập trung vào một vài chủ đề kinh tế cụ thể đã đọc/tìm hiểu, kèm suy nghĩ riêng.
- ◆ Chọn một **dự án nhỏ** (bài phân tích, tham gia cuộc thi kinh tế) để có "bằng chứng" đam mê.

Timeline 12 tháng (minh họa)

Giai đoạn	Trọng tâm
Tháng 1–3	Nâng phong độ Toán; lập danh sách trường & tra yêu cầu test/ngành
Tháng 4–6	Chuẩn bị test tư duy (nếu cần); phác thảo Personal Statement
Tháng 7–9	Hoàn thiện Personal Statement; làm dự án/cuộc thi kinh tế
Tháng 10–12	Nộp UCAS; luyện phỏng vấn (nếu có); giữ điểm cuối kỳ

Kết luận tư vấn

Hồ sơ có nền tốt và định hướng rõ — điểm mấu chốt là **làm mạnh môn trọng yếu** và **nâng chất Personal Statement**, đồng thời chuẩn bị đúng cho test/phỏng vấn của từng trường. Đây là kiểu hồ sơ có thể tiến bộ rõ trong 12 tháng nếu bắt đầu đúng việc.

PHẦN 7 · CHƯƠNG 20

Case Study 2 — Học sinh IB muốn nộp US top

Một hồ sơ IB mạnh về điểm nhưng chưa "kể được câu chuyện" theo đúng cách US top mong đợi. Đây là tình huống rất phổ biến với học sinh giỏi hướng Mỹ.

CASE STUDY 2 · MINH HỌA

Bạn "Bảo Châu" — IB, mục tiêu Computer Science tại US top

CHƯƠNG TRÌNH	IB Diploma (lớp 11)
MÔN HL	Math AA HL, Physics HL, English HL
MÔN SL	Economics SL, Chemistry SL, Vietnamese SL
ĐIỂM DỰ KIẾN	Khoảng 39–41 (tham khảo)
EE / CAS	EE về thuật toán; CAS còn dàn trải, thiếu câu chuyện
HOẠT ĐỘNG	Câu lạc bộ Toán; vài hoạt động lẻ, chưa có tác động rõ
ĐIỂM MẠNH / YẾU	Mạnh: học thuật & HL đúng ngành · Yếu: câu chuyện cá nhân, leadership, chưa có SAT

Vấn đề cốt lõi

Điểm và HL rất phù hợp ngành CS. Nhưng với **US top**, hồ sơ cần một **câu chuyện cá nhân** nhất quán và **hoạt động có chiều sâu, tác động**. Hiện hoạt động của bạn còn rời rạc, CAS chưa thành câu chuyện, và chưa có chiến lược SAT.

Chiến lược cải thiện hồ sơ (minh họa)

- ◆ Biến sở thích thuật toán thành một **dự án có sản phẩm** (ứng dụng nhỏ, đóng góp mã nguồn mở, hoặc dạy lập trình cho học sinh nhỏ tuổi).
- ◆ Tập trung CAS quanh **một chủ đề** để tạo câu chuyện (vd công nghệ vì cộng đồng), thay vì làm nhiều thứ rời rạc.
- ◆ Xây **vai trò lãnh đạo** trong CLB Toán/CS: tổ chức, dẫn dắt, tạo tác động đo được.
- ◆ Lập **kế hoạch SAT** phù hợp thời gian; tra chính sách test của trường mục tiêu.
- ◆ Chuẩn bị **bài luận cá nhân** kể hành trình đến với CS, không chỉ liệt kê thành tích.

Kế hoạch 6–18 tháng (minh họa)

Giai đoạn	Trọng tâm
6 tháng đầu	Khởi động dự án CS; hội tụ CAS quanh một chủ đề; giữ điểm HL
6–12 tháng	Đưa dự án ra sản phẩm/tác động; nhận vai trò lãnh đạo; thi SAT đợt đầu
12–18 tháng	Hoàn thiện school list & essays; xin thư giới thiệu; nộp hồ sơ

Kết luận tư vấn

Đây là hồ sơ "mạnh điểm, thiếu chuyện". Hướng cải thiện không phải học thêm nhiều môn, mà là **tạo chiều sâu và câu chuyện** quanh đúng định hướng CS, cộng một chiến lược SAT hợp lý. 12–18 tháng là khung thời gian thực tế để chuyển hóa hồ sơ này.

PHẦN 7 · CHƯƠNG 21

Case Study 3 — Học sinh AP muốn apply cả UK và US

Nộp song song UK và US là lựa chọn hấp dẫn nhưng đầy đánh đổi. Case này minh họa cách cân bằng hai hệ thống có logic khác nhau mà không làm loãng hồ sơ.

CASE STUDY 3 · MINH HỌA

Bạn "Gia Hân" — AP, mục tiêu Engineering, nộp cả UK & US

CHƯƠNG TRÌNH	Hệ Mỹ + AP (lớp 12)
MÔN AP	Calculus BC, Physics C, Chemistry, CS A
ĐIỂM AP	Chủ yếu 4–5 (tham khảo)
SAT	Đã có điểm khá tốt
GPA	Ổn định, đi lên
MỤC TIÊU	Engineering — một số trường UK & một số trường US
RỦI RO	Yêu cầu & deadline UK vs US khác nhau; nguồn lực bị chia đôi

Rủi ro khi nộp song song

- ◆ **Khác hệ tư duy:** UK cần Personal Statement học thuật & kiểm tra công nhận AP; US cần essay cá nhân & hoạt động — dễ "loãng" nếu làm nửa vời cả hai.
- ◆ **Khác deadline:** UCAS và Common App có mốc thời gian riêng, dễ chồng lịch với thi & điểm cuối kỳ.
- ◆ **Công nhận AP ở UK:** cần kiểm tra từng trường (số môn, mức điểm, có cần SAT/ACT).

Chiến lược chọn trường & phân bổ (minh họa)

- ◆ Chốt **một danh sách gọn:** vài trường UK có công nhận AP rõ ràng + vài trường US phù hợp định hướng.
- ◆ Chuẩn bị **hai "phiên bản" hồ sơ:** Personal Statement học thuật cho UK; essay cá nhân + hoạt động cho US — dùng chung phần năng lực Engineering.
- ◆ Lập **lịch deadline hợp nhất** để không bỏ lỡ mốc nào; ưu tiên giữ điểm AP & GPA xuyên suốt.

Kế hoạch học & thi (minh họa)

Giai đoạn	Trọng tâm
Sớm	Tra công nhận AP ở trường UK; chốt school list UK & US
Giữa	Viết Personal Statement (UK) & essays (US) song song; giữ điểm AP
Cuối	Nộp UCAS & Common App đúng deadline; chuẩn bị phỏng vấn/test nếu có

Kết luận tư vấn

Nộp song song khả thi nếu **danh sách trường gọn, hai phiên bản hồ sơ rõ ràng và lịch deadline được quản lý chặt**. Điều nguy hiểm nhất là làm cả hai một cách nửa vời. Với AP, khâu **kiểm tra công nhận ở UK** phải làm thật sớm.

“

ĐIỂM CHUNG CỦA BA CASE

Không case nào được giải quyết bằng "học thêm thật nhiều môn". Điểm chung là: **chọn đúng trọng tâm, làm sâu đúng chỗ, và bắt đầu đủ sớm** để có thời gian chuyển hóa hồ sơ.

08

Chuẩn bị hồ sơ theo từng khối lớp

Một lộ trình tốt trải đều qua nhiều năm, không dồn vào phút chót. Phần này chia hành trình thành ba giai đoạn — định hướng, tăng tốc, hoàn thiện — với việc cần làm ở mỗi giai đoạn.

Ch. 22 Lớp 9-10 — giai đoạn định hướng

Ch. 23 Lớp 11 — giai đoạn tăng tốc

Ch. 24 Lớp 12 — giai đoạn hoàn thiện hồ sơ



PHẦN 8 · CHƯƠNG 22

Lớp 9–10 — Giai đoạn định hướng

Đây là giai đoạn "đặt móng". Chưa cần vội nộp gì, nhưng những lựa chọn ở đây — chương trình, nền tiếng Anh, thói quen học — ảnh hưởng lớn đến toàn bộ hành trình phía sau.

- ◆ **Xác định năng lực học thuật:** con mạnh ở nhóm môn nào (định lượng, khoa học, xã hội, ngôn ngữ)?
- ◆ **Chọn chương trình phù hợp:** A Level, IB hay AP — dựa trên năng lực, tính cách và quốc gia định hướng.
- ◆ **Xây nền tiếng Anh học thuật:** đọc–viết học thuật, không chỉ giao tiếp.
- ◆ **Bắt đầu tìm hiểu ngành:** khám phá 1–2 khối ngành con quan tâm.
- ◆ **Làm quen hoạt động có chiều sâu:** chọn 1–2 hoạt động để theo lâu dài, thay vì thử nhiều rồi bỏ.

🕒 Tư duy đúng cho giai đoạn này

Đừng đặt áp lực "phải giỏi ngay". Mục tiêu của lớp 9–10 là **hiểu con hợp với gì và xây thói quen học bền vững**. Một quyết định chương trình đúng ở đây tiết kiệm rất nhiều điều chỉnh về sau.

☰ Checklist cuối lớp 9–10

- ☒ Đã sơ bộ xác định nhóm môn con mạnh nhất.
- ☒ Đã chọn (hoặc thu hẹp) chương trình A Level / IB / AP.
- ☒ Đang xây nền đọc–viết tiếng Anh học thuật.
- ☒ Đã khoanh 1–2 khối ngành quan tâm để tìm hiểu.
- ☒ Đã bắt đầu 1–2 hoạt động có thể theo lâu dài.

PHẦN 8 · CHƯƠNG 23

Lớp 11 — Giai đoạn tăng tốc

Lớp 11 thường là năm bản lề. Đây là lúc chọn môn có chiến lược, tối ưu predicted grades, khởi động thi chuẩn hóa (nếu nộp US) và bắt đầu tạo chiều sâu cho hồ sơ hoạt động.

- ◆ **Chọn môn chiến lược:** chốt tổ hợp môn theo ngành mục tiêu (xem Phần 6).

- ◆ **Tối ưu điểm predicted:** giữ phong độ ổn định, đặc biệt ở môn trọng yếu.
- ◆ **Khởi động SAT/ACT** nếu nộp US và trường mục tiêu cần.
- ◆ **Làm project/research/competition** để tạo "bằng chứng" năng lực & đam mê.
- ◆ **Chuẩn bị hồ sơ hoạt động:** đưa hoạt động lên mức có tác động, có vai trò.
- ◆ **Lập danh sách trường** sơ bộ (reach / target / safety) cho cả UK và/hoặc US.

📍 Ưu tiên nếu thời gian eo hẹp

Nếu phải chọn, hãy ưu tiên **giữ điểm môn trọng yếu** và **tạo chiều sâu cho 1–2 hoạt động/dự án**. Đây là hai thứ khó "nước rút" ở lớp 12 nhất — nên đầu tư từ lớp 11.

☰ Checklist cuối lớp 11

- ☒ Đã chốt tổ hợp môn phù hợp ngành mục tiêu.
- ☒ Điểm môn trọng yếu đang ở vùng cạnh tranh.
- ☒ Đã có kế hoạch (hoặc điểm) SAT/ACT nếu nộp US.
- ☒ Đã có ít nhất một dự án/hoạt động có chiều sâu.
- ☒ Đã lập danh sách trường sơ bộ theo reach/target/safety.

PHẦN 8 · CHƯƠNG 24

Lớp 12 — Giai đoạn hoàn thiện hồ sơ

Lớp 12 là năm "ra trận": chốt danh sách trường, hoàn thiện bài luận, xin thư giới thiệu, nộp UCAS/Common App và theo dõi deadline — tất cả trong khi vẫn phải giữ điểm cuối kỳ.

- ◆ **Chốt school list** cuối cùng cho UK và/hoặc US.
- ◆ **Hoàn thiện bài luận:** Personal Statement (UK) và/hoặc essays (US).
- ◆ **Xin thư giới thiệu** sớm, từ giáo viên hiểu rõ con.
- ◆ **Nộp UCAS / Common App** đúng quy trình & deadline.
- ◆ **Theo dõi deadline** từng trường/ngành (dễ chồng lịch nếu nộp song song).
- ◆ **Chuẩn bị phỏng vấn/test** nếu ngành/trường yêu cầu.
- ◆ **Giữ điểm cuối kỳ:** conditional offer của UK phụ thuộc vào điểm thực tế.

⚠ Sai lầm hay gặp ở lớp 12

Buông điểm cuối kỳ sau khi nhận offer có điều kiện — dẫn tới không đạt điều kiện offer. Với UK, **giữ điểm đến phút cuối** là bắt buộc, không phải tùy chọn.

☰ Checklist cuối lớp 12

- ☒ Đã chốt danh sách trường và nắm rõ deadline từng nơi.
- ☒ Bài luận đã hoàn thiện và được đọc góp ý kỹ.
- ☒ Đã có thư giới thiệu phù hợp.
- ☒ Đã nộp UCAS / Common App đúng hạn.
- ☒ Đã chuẩn bị cho phỏng vấn/test (nếu có).
- ☒ Vẫn đang giữ điểm để đáp ứng conditional offer.

**KẾT LUẬN PHẦN 8**

Hồ sơ mạnh là kết quả của **nhiều năm đi đúng hướng**, không phải một mùa nộp vội. Bắt đầu sớm cho phép con thử, sai, điều chỉnh — và đó chính là lợi thế lớn nhất.

09

Bộ checklist chấm điểm hồ sơ của con

Ba bộ checklist để gia đình tự soi hồ sơ: học thuật, hoạt động (đặc biệt cho US), và chọn trường. Hãy đánh dấu trung thực — mỗi ô còn trống là một việc cần làm.

Ch. 25 Checklist học thuật

Ch. 26 Checklist hoạt động & hồ sơ US

Ch. 27 Checklist chọn trường



PHẦN 9 · CHƯƠNG 25

Checklist học thuật

Bắt đầu từ nền tảng: điểm số, môn học, predicted grades và điều kiện tiếng Anh. Đây là những yếu tố quyết định con có lọt vào vòng cạnh tranh hay không.

Câu hỏi	Có / Chưa	Ghi chú
Điểm hiện tại có phù hợp mục tiêu trường không?		
Môn học có đúng ngành định hướng không?		
Predicted grades có đủ cạnh tranh không?		
HL / A Level / AP trọng yếu có mạnh không?		
Điểm tiếng Anh (IELTS/TOEFL) đã đạt yêu cầu chưa?		
Có cần SAT/ACT không, và đã có kế hoạch chưa?		

Bảng tự đánh giá – hãy in ra hoặc chép lại và điền vào cột "Có / Chưa" cùng ghi chú của gia đình.

☰ Cách chấm nhanh

Nếu có **2 ô "Chưa" trở lên** ở nhóm học thuật, đây là ưu tiên số một cần xử lý — vì nền tảng học thuật ảnh hưởng đến việc hồ sơ có được xét nghiêm túc hay không.

PHẦN 9 · CHƯƠNG 26

Checklist hoạt động & hồ sơ US

Nếu con nhắm US top, phần này quan trọng ngang điểm số. Hoạt động cần chiều sâu, tác động và một câu chuyện nhất quán — không phải một danh sách dài nhưng hời hợt.

☰ Tự đánh giá hồ sơ US

- ☐ Hoạt động có chiều sâu (theo lâu dài, không dàn trải)?
- ☐ Có vai trò lãnh đạo (leadership) rõ ràng ở đâu đó?
- ☐ Có tác động (impact) đo được hoặc kể được?
- ☐ Có câu chuyện cá nhân nhất quán xuyên suốt hồ sơ?
- ☐ Có giải thưởng / cuộc thi / nghiên cứu (nếu phù hợp)?
- ☐ Hoạt động có liên quan/ hỗ trợ định hướng học thuật không?
- ☐ Bài luận cá nhân có điểm khác biệt, không chỉ kể thành tích?

★ **Chất lượng thẳng số lượng – một lần nữa**

Hai hoạt động có chiều sâu và một câu chuyện rõ thường mạnh hơn mười hoạt động rời rạc. Khi soi checklist này, hãy hỏi: "Hoạt động của con nói lên điều gì về con?" — nếu khó trả lời, đó là dấu hiệu cần tạo chiều sâu.

PHẦN 9 · CHƯƠNG 27

Checklist chọn trường

Chọn trường là bài toán cân bằng giữa khát vọng và thực tế. Một danh sách tốt gồm các nhóm reach / target / safety, phù hợp cả về học thuật, tài chính và môi trường.

☰ Rà soát danh sách trường

- ☐ Đã phân nhóm Reach / Target / Safety hợp lý chưa?
- ☐ Với UK: đã chọn đúng ngành qua UCAS (tối đa số nguyện vọng cho phép)?
- ☐ Với US: school list có cân bằng, không toàn trường quá cạnh tranh?
- ☐ Đã tra yêu cầu điểm của từng trường/ngành ở năm nộp?
- ☐ Đã nắm deadline từng nơi (UCAS, Common App, học bổng)?
- ☐ Đã biết yêu cầu bài luận / phỏng vấn / test của từng trường?
- ☐ Đã cân nhắc học phí và cơ hội học bổng?
- ☐ Đã xét sự phù hợp (fit) về học thuật và môi trường sống?

🕒 Reach / Target / Safety là gì?

- ◆ **Reach:** trường rất cạnh tranh so với hồ sơ — cần may mắn & hồ sơ nổi bật.
- ◆ **Target:** hồ sơ nằm trong vùng cạnh tranh hợp lý.
- ◆ **Safety:** khả năng cao phù hợp, để đảm bảo có lựa chọn tốt.

⚖️ Nguyên tắc cân bằng

- ◆ Đừng để school list **toàn trường reach**.
- ◆ Mỗi nhóm nên có **vài lựa chọn** con thật sự thích.
- ◆ Cân nhắc **tài chính** ngay từ khi lập danh sách.



KẾT LUẬN PHẦN 9

Ba checklist này nên được **xem lại định kỳ**, không phải một lần. Hồ sơ thay đổi theo thời gian — việc tự đánh giá đều đặn giúp gia đình phát hiện và xử lý điểm nghẽn sớm.

PHẦN MƯỜI · NHỮNG SAI LẦM THƯỜNG GẶP

10

10 sai lầm khiến hồ sơ mất lợi thế

Rất nhiều hồ sơ tốt bị giảm sức cạnh tranh vì những sai lầm có thể tránh được. Nhận ra chúng sớm là cách rẻ nhất để làm hồ sơ mạnh hơn.

Ch. 28 10 sai lầm phổ biến & cách tránh



PHẦN 10 · CHƯƠNG 28

10 sai lầm phổ biến của phụ huynh & học sinh

Dưới đây là mười sai lầm chúng tôi gặp nhiều nhất. Với mỗi sai lầm, hãy tự hỏi: "Gia đình mình có đang mắc phải không?" — và nếu có, đây chính là cơ hội cải thiện.

1

Chỉ hỏi "cần bao nhiêu điểm" mà không xét toàn hồ sơ

Điểm là nền tảng, nhưng môn học phù hợp ngành, bài luận, hoạt động và bối cảnh mới quyết định hồ sơ mạnh hay yếu. Hãy nhìn hồ sơ như một bức tranh tổng thể.

2

Chọn môn dễ để lấy điểm cao nhưng không phù hợp ngành

Nhiều ngành có môn bắt buộc. Điểm đẹp ở môn lệch ngành có thể khiến hồ sơ không đủ điều kiện xét. Chọn môn nên bắt đầu từ ngành mục tiêu.

3

Bắt đầu chuẩn bị hồ sơ quá muộn

Hoạt động có chiều sâu, dự án, thi chuẩn hóa đều cần thời gian. Bắt đầu từ lớp 12 khiến nhiều thứ chỉ làm được nửa vời. Hãy khởi động từ lớp 10–11.

4

Nhầm giữa yêu cầu tối thiểu và mức cạnh tranh thực tế

"Đạt điểm tối thiểu" khác với "đủ sức cạnh tranh". Ở nhiều trường top, số hồ sơ đủ điểm vượt xa số chỗ. Hãy tra vùng điểm cạnh tranh thực tế, không chỉ mức sàn.

5

Nghĩ rằng IELTS/SAT cao là đủ

Điểm chuẩn hóa/tiếng Anh là điều kiện, không thay thế điểm học thuật và câu chuyện hồ sơ. Đừng dồn hết thời gian cho chúng mà lơ là điểm chính khóa.

6

Học quá nhiều môn/AP nhưng không có chiến lược

Số lượng không bằng sự phù hợp và điểm số. Nhiều AP điểm trung bình yếu hơn ít AP điểm cao đúng định hướng. Hãy chọn có chiến lược.

7

Không hiểu khác biệt giữa UK và US

UK xét theo ngành & học thuật; US xét toàn diện. Dùng cùng một cách xây hồ sơ cho cả hai dễ khiến hồ sơ không tối ưu ở đâu cả.

8

Không quản lý predicted grades

Với UK, predicted grades ảnh hưởng lớn đến offer. Để điểm tụt ở môn trọng yếu, hoặc buông điểm sau khi có offer có điều kiện, đều rất rủi ro.

9

Hoạt động ngoại khóa dàn trải, thiếu chiều sâu

Một danh sách dài nhưng hời hợt kém thuyết phục hơn vài hoạt động có tác động & câu chuyện. Hãy đi sâu, đừng đi rộng một cách vô định.

10

Không có người đánh giá lộ trình từ sớm

Nhiều điểm nghẽn (chọn sai môn, sai thời điểm, sai chiến lược trường) chỉ lộ ra khi đã muộn. Một đánh giá lộ trình sớm giúp phát hiện và điều chỉnh kịp thời.

◆ Tự soi nhanh — Gia đình mình đang làm tốt điều nào?

Hãy đánh dấu những điều gia đình đang làm tốt. Mỗi ô còn trống tương ứng với một sai lầm ở trên — và là một cơ hội cải thiện cụ thể.

☰ Bảng tự đánh giá 10 điểm

- ☐ Nhìn hồ sơ tổng thể, không chỉ hỏi "bao nhiêu điểm".
- ☐ Chọn môn theo ngành, không chỉ theo độ dễ lấy điểm.
- ☐ Đã bắt đầu chuẩn bị từ sớm (lớp 10–11).
- ☐ Phân biệt được điểm sàn và mức cạnh tranh thực tế.
- ☐ Không dồn hết thời gian cho IELTS/SAT mà bỏ điểm chính khóa.
- ☐ Học AP/môn học có chiến lược, không chạy đua số lượng.
- ☐ Hiểu rõ khác biệt giữa tuyển sinh UK và US.
- ☐ Quản lý predicted grades & giữ điểm đến phút cuối.
- ☐ Hoạt động ngoại khóa có chiều sâu, không dàn trải.
- ☐ Có người đánh giá lộ trình từ sớm để điều chỉnh kịp thời.

“

ĐIỂM CẦN NHỚ — PHẦN 10

Hầu hết các sai lầm này đều **tránh được nếu phát hiện sớm**. Một lần rà soát hồ sơ nghiêm túc với người hiểu hệ thống thường giúp loại bỏ phần lớn chúng.

PHẦN MƯỜI MỘT · CÙNG TIMES EDU

11

Đồng hành xây hồ sơ học thuật cho con

Times Edu tập trung vào phần chúng tôi làm tốt nhất: giúp học sinh chọn đúng chương trình, đúng môn, tăng điểm học thuật và xây nền vững cho hồ sơ du học — với lộ trình cá nhân hóa.

Ch. 29 Times Edu hỗ trợ học sinh như thế nào?

Ch. 30 Mẫu lộ trình cá nhân hóa 12 tháng



PHẦN 11 · CHƯƠNG 29

Times Edu hỗ trợ học sinh như thế nào?

Chúng tôi đồng hành cùng học sinh chương trình quốc tế — IGCSE, A Level, IB, AP, SAT, IELTS — với trọng tâm là học 1-1 và lộ trình cá nhân hóa. Dưới đây là những khâu Times Edu có thể hỗ trợ.

🕒 Định hướng & chọn lộ trình

- ◆ **Đánh giá năng lực học thuật** đầu vào.
- ◆ Tư vấn **chọn chương trình** A Level / IB / AP.
- ◆ Tư vấn **chọn môn theo ngành** & mục tiêu đại học.

📈 Tăng điểm & kỹ năng

- ◆ **Giáo sư 1-1** các môn quốc tế.
- ◆ **Lộ trình tăng điểm** A Level, IB, AP.
- ◆ Hỗ trợ **SAT / IELTS** khi cần.

🏠 Đồng hành & theo dõi

- ◆ **Theo dõi tiến độ** học tập định kỳ.
- ◆ Phối hợp cùng **phụ huynh** để điều chỉnh kế hoạch.
- ◆ Chuẩn bị **nền tảng học thuật** cho hồ sơ du học.

🎯 Cách chúng tôi làm việc

- ◆ Bắt đầu từ **năng lực & mục tiêu thật** của học sinh.
- ◆ Lộ trình **cá nhân hóa**, không rập khuôn.
- ◆ Tập trung vào **tiến bộ thực chất**, đo được.

📍 Điều Times Edu cam kết — và không cam kết

Chúng tôi cam kết **đồng hành nghiêm túc**: đánh giá trung thực, lộ trình phù hợp, và nỗ lực giúp học sinh tiến bộ thực chất. Chúng tôi **không cam kết kết quả tuyển sinh** — vì không đơn vị nào có thể trung thực hứa điều đó, đặc biệt với các trường top. Điều chúng tôi làm là giúp con ở vào vị thế cạnh tranh tốt nhất có thể.

PHẦN 11 · CHƯƠNG 30

Mẫu lộ trình cá nhân hóa 12 tháng

Đây là một khung minh họa cách một lộ trình 12 tháng cùng Times Edu có thể diễn ra. Lộ trình thực tế luôn được điều chỉnh theo điểm xuất phát, chương trình và mục tiêu của từng học sinh.

Tháng	Mục tiêu	Việc cần làm	Vai trò của Times Edu
1	Hiểu điểm xuất phát	Đánh giá năng lực; xác định ngành & quốc gia mục tiêu	Bài đánh giá đầu vào; tư vấn định hướng
2	Chốt lộ trình	Chọn/điều chỉnh chương trình & tổ hợp môn	Tư vấn chọn môn theo ngành; lập kế hoạch
3-4	Xây nền	Củng cố môn trọng yếu; lấp lỗ hổng kiến thức	Gia sư 1-1; giáo trình cá nhân hóa
5-6	Tăng điểm	Nâng phong độ môn trọng yếu; luyện kỹ năng học thuật	Theo dõi tiến độ; điều chỉnh trọng tâm
7	Kiểm tra giữa kỳ	Thi thử / đánh giá định kỳ; rà soát mục tiêu	Đề đánh giá; phân tích điểm mạnh-yếu
8-9	Chuẩn hóa (nếu cần)	Kế hoạch SAT/IELTS; giữ điểm chính khóa	Hỗ trợ SAT/IELTS; cân đối lịch học
10	Điều chỉnh chiến lược	Rà soát danh sách trường & yêu cầu ngành	Đối chiếu hồ sơ với mục tiêu; tư vấn
11	Tối ưu predicted	Củng cố predicted grades; hoàn thiện nền học thuật	Luyện đề; ôn trọng điểm
12	Hoàn thiện nền hồ sơ	Ổn định điểm; sẵn sàng cho mùa nộp	Tổng rà soát; đồng hành cùng phụ huynh

Lộ trình minh họa của Times Edu; nội dung & nhịp độ được cá nhân hóa theo từng học sinh. Times Edu tập trung vào nền tảng học thuật, không thay thế dịch vụ nộp hồ sơ chính thức của trường.

KẾT LUẬN

Một lộ trình tốt không bắt đầu bằng câu hỏi "bao nhiêu điểm là đủ", mà bằng câu hỏi **"con đang ở đâu, muốn đi đâu, và cần làm gì tiếp theo"**. Đó chính là điều Times Edu muốn cùng bạn trả lời.

Bạn chưa chắc A Level / IB / AP của con đã đủ cạnh tranh cho UK & US top?

Mỗi học sinh có một lộ trình khác nhau. Điểm số, môn học, ngành mục tiêu và thời điểm chuẩn bị cần được **đánh giá cùng nhau** — không tách rời. Times Edu có thể giúp gia đình trả lời những câu hỏi quan trọng nhất:

- ◆ Con đang ở **đâu** so với mục tiêu?
- ◆ Mục tiêu trường / ngành có **thực tế** không?
- ◆ Con cần **cải thiện môn nào**, và bằng cách nào?
- ◆ Có nên thi SAT / ACT / IELTS không, và khi nào?
- ◆ Nên chọn **A Level, IB hay AP** cho định hướng của con?
- ◆ Cần một **kế hoạch 6–12 tháng** như thế nào?

Đăng ký tư vấn lộ trình du học cá nhân hóa

Nhận đánh giá hồ sơ học thuật A Level / IB / AP miễn phí

HOTLINE / ZALO

036 203 8998

EMAIL

admin@times.edu.vn

WEBSITE

times.edu.vn

Times Edu · Học 1–1 · Lộ trình cá nhân hóa · IGCSE · A Level · IB · AP · SAT · IELTS

Cơ sở: Vincom Landmark 81 (TP. Hồ Chí Minh) & Times City (Hà Nội)

TRƯỚC KHI KHÉP LẠI

Lưu ý quan trọng & lời cảm ơn

Cảm ơn bạn đã đồng hành cùng cẩm nang này đến những trang cuối. Hy vọng bạn đã có một bức tranh rõ hơn về cách hồ sơ A Level / IB / AP được nhìn nhận ở UK và US — và quan trọng hơn, biết những bước tiếp theo cho con.

Miễn trừ trách nhiệm. Thông tin trong e-book mang tính **định hướng và tham khảo**. Yêu cầu tuyển sinh có thể thay đổi theo từng năm, từng trường, từng ngành và từng quốc gia. Các khung điểm, tổ hợp môn và mốc thời gian được nêu là **ví dụ tham khảo của Times Edu**, không phải cam kết. Phụ huynh và học sinh nên kiểm tra website chính thức của trường đại học (và các hệ thống như UCAS, Common App, College Board, Cambridge) ở đúng thời điểm nộp hồ sơ. Times Edu có thể hỗ trợ đánh giá hồ sơ học thuật và xây dựng lộ trình học tập cá nhân hóa, nhưng **không cam kết kết quả tuyển sinh**.

☰ Ba việc nên làm ngay sau khi đọc

1. Xác định rõ **ngành & quốc gia mục tiêu** của con (UK, US hay cả hai).
2. Đối chiếu **môn học hiện tại** với bảng chọn môn ở Phần 6.
3. Hoàn thành **ba checklist tự đánh giá** ở Phần 9 để tìm điểm nghẽn.

📍 Kết nối với Times Edu

Hotline / Zalo: 036 203 8998

Email: admin@times.edu.vn

Website: times.edu.vn

Cơ sở: Vincom Landmark 81 (TP.HCM) & Times City (Hà Nội)

🎓 Times Edu

Đồng hành cùng học sinh chương trình quốc tế: **IGCSE · A Level · IB · AP · SAT · IELTS**. Học 1-1, lộ trình cá nhân hóa, tập trung tăng điểm học thuật và xây nền vững cho hồ sơ du học.

LEARN TODAY, LEAD TOMORROW